

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 5069/QĐ-ĐHNH, ngày 30 tháng 12 năm 2025
của Hiệu trưởng trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh)

Tên chương trình (Tiếng Việt): **Chương trình đào tạo tiếng Anh bán phần ngành
Kinh doanh quốc tế**

Tên chương trình (Tiếng Anh): **International Business - Partial English-taught
Program**

Trình độ đào tạo: **Đại học**

Ngành đào tạo: **Kinh doanh quốc tế.**

Mã ngành ¹: 7340120

Hình thức đào tạo: **Chính quy tập trung**

Chuẩn đầu vào: Thực hiện theo đề án tuyển sinh

Thời gian đào tạo (theo thiết kế): **04 năm (08 học kỳ)**

Thời điểm cập nhật bản chương trình đào tạo: **tháng 12 năm 2025**

1. Mục tiêu của chương trình đào tạo (Program Objectives – PO):

1.1. Mục tiêu chung: (PO)

Đào tạo cử nhân ngành Kinh doanh quốc tế có năng lực đáp ứng yêu cầu bậc 6 trong khung trình độ quốc gia Việt Nam (ban hành theo Quyết định 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ), có kiến thức, kỹ năng, và mức tự chủ và trách nhiệm đáp ứng cho doanh nghiệp và xã hội trong bối cảnh toàn cầu hóa.

¹ Mã ngành được ghi theo bảng mã ngành được Bộ Giáo dục và đào tạo quy định.

1.2. Mục tiêu cụ thể: (POi)

Cung cấp cho người học những kiến thức về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, chính trị và pháp luật và kiến thức chuyên sâu về nghề nghiệp để thực hiện các công việc trong lĩnh vực ngành nghề được đào tạo

Đào tạo người học có phẩm chất cá nhân, nghề nghiệp và khả năng định hướng phát triển nghề nghiệp thích nghi với thay đổi của môi trường kinh tế, xã hội, hội nhập quốc tế.

Cung cấp cho người học khả năng tư duy phản biện, cộng tác làm việc nhóm giao tiếp chuyên nghiệp khi thực hiện các hoạt động nghề nghiệp

Cung cấp cho người học năng lực về ngoại ngữ và công nghệ thông tin đáp ứng với môi trường làm việc chuyên nghiệp và hội nhập

Đào tạo người học có khả năng giải quyết các vấn đề chuyên môn và phát triển nghề nghiệp liên tục trong lĩnh vực kinh doanh quốc tế

2. Chuẩn đầu ra (CĐR) của chương trình đào tạo (Program Learning Outcomes - PLOs) và Chỉ số đánh giá kết quả thực hiện (Performance Indicator – PIn):

Người học khi tốt nghiệp chương trình đào tạo **ngành Kinh doanh quốc tế** của Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh có khả năng: ²

Ký hiệu CĐR (PLOs)	Ký hiệu CSĐG (PIn)	DỰ THẢO PLO/PI	Mức độ đạt được ³	GHI CHÚ
PLO1		Có kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, chính trị và pháp luật để vận dụng vào những vấn đề cuộc sống và trong các hoạt động nghề nghiệp.	3	
	PI 1.1	Vận dụng phù hợp kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, chính trị và pháp luật phù hợp với bối cảnh xã hội và nghề nghiệp.	3	
	PI 1.2	Có khả năng áp dụng kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên vào tính toán, thiết kế, phân tích, lập luận và	3	

² Mỗi PLO có tối đa 4 nội hàm; mỗi nội hàm được đo bằng một PI.

³ Theo thang đo năng lực.

Ký hiệu CĐR (PLOs)	Ký hiệu CSDG (PIIn)	DỰ THẢO PLO/PI	Mức độ đạt được 3	GHI CHÚ
		giải thích các vấn đề trong lĩnh vực nghề nghiệp.		
PLO2		Có khả năng vận dụng tư duy phản biện trong giải quyết các vấn đề nghề nghiệp.	4	
	PI 2.1	Khả năng phân tích thông tin, đánh giá các lựa chọn và đưa ra quyết định thông qua quá trình suy luận và phản biện.	4	
	PI 2.2	Khả năng xác định các vấn đề trong tình huống nghề nghiệp để giải quyết các vấn đề	4	
PLO3		Có năng lực làm việc theo nhóm, truyền đạt hiệu quả trong điều kiện làm việc thay đổi và môi trường hội nhập quốc tế.	4	
	PI 3.1	Hình thành, triển khai hoàn thành công việc trong nhóm, ứng xử phù hợp và phát triển tinh thần trách nhiệm trong nhóm.	4	
	PI 3.2	Thực hiện các hoạt động truyền đạt hiệu quả trong môi trường công việc và môi trường hội nhập quốc tế.	4	
PLO4		Thể hiện tính chủ động, tích cực trong học tập nghiên cứu và quản lý các nguồn lực cá nhân, đáp ứng yêu cầu học tập suốt đời.	4	
	PI 4.1	Có khả năng tổ chức và quản lý các nguồn lực cá nhân để hoàn thành các nhiệm vụ học tập.	4	

Ký hiệu CDR (PLOs)	Ký hiệu CSDG (PIIn)	DỰ THẢO PLO/PI	Mức độ đạt được 3	GHI CHÚ
	PI 4.2	Tham gia, thể hiện tinh thần học tập, nghiên cứu và thích ứng của cá nhân đáp ứng yêu cầu học tập suốt đời.	4	
PLO5		Thể hiện đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp, có thái độ hành xử chuyên nghiệp và trách nhiệm xã hội, cộng đồng	4	
	PI 5.1	Tuân thủ các quy định pháp luật và chuẩn mực đạo đức trong lĩnh vực nghề nghiệp.	4	
	PI 5.2	Thể hiện sự chuyên nghiệp trong giao tiếp, ứng xử, và quản lý tình huống trong môi trường nghề nghiệp.	4	
	PI 5.3	Đóng góp và thể hiện trách nhiệm xã hội, cộng đồng và có tinh thần khởi nghiệp.	4	
PLO6		Có khả năng vận dụng thành thạo kiến thức nền tảng và chuyên sâu để giải quyết các vấn đề chuyên môn	4	
	PI 6.1	Có khả năng vận dụng thành thạo kiến thức nền tảng để giải quyết các vấn đề chuyên môn	4	
	PI 6.2	Có khả năng vận dụng thành thạo kiến thức chuyên sâu để giải quyết các vấn đề chuyên môn	4	
PLO7		Xác định các giải pháp ứng dụng trong lĩnh vực chuyên ngành và liên ngành	4	
	PI 7.1	Xác định các giải pháp ứng dụng trong lĩnh vực chuyên ngành	4	
	PI 7.2	Xác định các giải pháp ứng dụng trong lĩnh vực liên ngành	4	

Ký hiệu CĐR (PLOs)	Ký hiệu CSDG (PIIn)	DỰ THẢO PLO/PI	Mức độ đạt được 3	GHI CHÚ
PLO8		Có khả năng thích ứng với các xu hướng thay đổi trong lĩnh vực chuyên môn, nghề nghiệp.	4	
	PI 08.1	Xác định các xu hướng hiện tại và mới nổi trong lĩnh vực chuyên môn, nghề nghiệp.	4	
	PI 08.2	Phân tích rủi ro, cơ hội liên quan đến việc thay đổi xu hướng trong lĩnh vực chuyên môn, nghề nghiệp.	4	
PLO9		Khả năng sử dụng Tiếng Anh tối thiểu tương đương chuẩn trình độ trung cấp bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (theo thông tư Số: 01/2014/TT-BGDT) Đối với Chương trình CLC (TABP): Chuẩn bậc 4/6	4	
PL10		Có kiến thức công nghệ thông tin nâng cao để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực chuyên môn, nghề nghiệp.	4	
	PI 10.1	Biết sử dụng các ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực nghề nghiệp.	3	
	PI 10.2	Ứng dụng công nghệ thông tin nâng cao để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực chuyên môn, nghề nghiệp.	4	
PLO11		Xây dựng tư duy phát triển nghề nghiệp liên tục trong lĩnh vực kinh doanh quốc tế	5	
	PI 11.1	Xây dựng kế hoạch phát triển nghề nghiệp lâu dài trong lĩnh vực kinh doanh quốc tế	5	

Ký hiệu CDR (PLOs)	Ký hiệu CSDG (PIs)	DỰ THẢO PLO/PI	Mức độ đạt được ³	GHI CHÚ
	PI 11.2	Đề xuất các ứng dụng tiến bộ trong lĩnh vực kinh doanh quốc tế	5	

3. Ma trận quan hệ giữa Mục tiêu (POi) và Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs):

Mối liên hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT ở bảng bên dưới cho thấy rằng sinh viên có thể đạt được mục tiêu của CTĐT nếu đáp ứng được các chuẩn đầu ra của CTĐT.

Mục tiêu của CTĐT (POi)		Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs)										
		(Đánh dấu X vào ô có liên quan)										
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
Mục tiêu chung:												
<i>[Xây dựng theo từng ngành, ghi theo mục 1.1]</i>												
Mục tiêu cụ thể:												
PO1	Cung cấp cho người học những kiến thức về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, chính trị và pháp luật và kiến thức chuyên sâu về nghề nghiệp để thực hiện các công việc trong lĩnh vực ngành nghề được đào tạo	X					X	X				X
PO2	Đào tạo người học có phẩm chất cá nhân, nghề nghiệp và khả năng định hướng phát triển nghề nghiệp thích nghi với thay đổi của môi trường kinh tế, xã hội, hội nhập quốc tế				X	X						
PO3	Cung cấp cho người học khả năng tư duy phản biện, cộng tác làm việc nhóm		X	X								

Mục tiêu của CTĐT (POi)		Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs)										
		(Đánh dấu X vào ô có liên quan)										
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	giao tiếp chuyên nghiệp khi thực hiện các hoạt động nghề nghiệp											
PO4	Cung cấp cho người học năng lực về ngoại ngữ và công nghệ thông tin đáp ứng với môi trường làm việc chuyên nghiệp và hội nhập									X	X	
PO5	Đào tạo người học có khả năng giải quyết các vấn đề chuyên môn và phát triển nghề nghiệp liên tục trong lĩnh vực kinh doanh quốc tế						X	X	X			X

Ma trận thể hiện sự tương thích giữa POs, PLOs và PIs.⁴

PO	PLO	PI
PO1: Cung cấp cho người học những kiến thức về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, chính trị và pháp luật và kiến thức chuyên sâu về nghề nghiệp để thực hiện các công việc trong lĩnh vực ngành nghề được đào tạo	PLO1 Có kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, chính trị và pháp luật để vận dụng vào những vấn đề cuộc sống và trong các hoạt động nghề nghiệp.	PI 1.1 Vận dụng phù hợp kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, chính trị và pháp luật phù hợp với bối cảnh xã hội và nghề nghiệp
		PI 1.2 Có khả năng áp dụng kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên vào tính toán, thiết kế, phân tích, lập luận và giải thích các vấn đề trong lĩnh vực nghề nghiệp

⁴ Đối sánh để quan sát tính phù hợp với mỗi mục tiêu cụ thể (PO) được thể hiện thông qua CDR CTĐT (PLO) và Chỉ số đánh giá kết quả thực hiện (PI)

PO	PLO	PI
	PLO6 Có khả năng vận dụng thành thạo kiến thức nền tảng và chuyên sâu để giải quyết các vấn đề chuyên môn	PI 6.1 Có khả năng vận dụng thành thạo kiến thức nền tảng để giải quyết các vấn đề chuyên môn
		PI 6.2 Có khả năng vận dụng thành thạo kiến thức chuyên sâu để giải quyết các vấn đề chuyên môn
	PLO7 Xác định các giải pháp ứng dụng trong lĩnh vực chuyên ngành và liên ngành	PI 7.1 Xác định các giải pháp ứng dụng trong lĩnh vực chuyên ngành
		PI 7.2 Xác định các giải pháp ứng dụng trong lĩnh vực liên ngành
	PLO11. Xây dựng tư duy phát triển nghề nghiệp liên tục trong lĩnh vực kinh doanh quốc tế	PI 11.1 Xây dựng kế hoạch phát triển nghề nghiệp lâu dài trong lĩnh vực kinh doanh quốc tế
		PI 11.2 Đề xuất các ứng dụng tiến bộ trong lĩnh vực kinh doanh quốc tế
PO2: Đào tạo người học có phẩm chất cá nhân, nghề nghiệp và khả năng định hướng phát triển nghề nghiệp thích nghi với thay đổi của môi trường kinh tế, xã hội, hội nhập quốc tế	PLO4. Thể hiện tính chủ động, tích cực trong học tập nghiên cứu và quản lý các nguồn lực cá nhân, đáp ứng yêu cầu học tập suốt đời	PI 4.1 Có khả năng tổ chức và quản lý các nguồn lực cá nhân để hoàn thành các nhiệm vụ học tập
		PI 4.2 Tham gia, thể hiện tinh thần học tập, nghiên cứu và thích ứng của cá nhân đáp ứng yêu cầu học tập suốt đời
	PLO5. Thể hiện đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp, có thái độ hành xử chuyên	PI 5.1 Tuân thủ các quy định pháp luật và chuẩn mực đạo đức trong lĩnh vực nghề nghiệp

PO	PLO	PI
	nghịệp và trách nhiệm xã hội, cộng đồng	PI 5.2 Thể hiện sự chuyên nghiệp trong giao tiếp, ứng xử, và quản lý tình huống trong môi trường nghề nghiệp
		PI 5.3 Đóng góp và thể hiện trách nhiệm xã hội, cộng đồng và có tinh thần khởi nghiệp
PO3: Cung cấp cho người học khả năng tư duy phân biện, cộng tác làm việc nhóm giao tiếp chuyên nghiệp khi thực hiện các hoạt động nghề nghiệp	PLO2 Có khả năng vận dụng tư duy phân biện trong giải quyết các vấn đề nghề nghiệp.	PI 2.1 Khả năng phân tích thông tin, đánh giá các lựa chọn và đưa ra quyết định thông qua quá trình suy luận và phân biện
		PI 2.2 Khả năng xác định các vấn đề trong tình huống nghề nghiệp để giải quyết các vấn đề
	PLO3 Có năng lực làm việc theo nhóm, truyền đạt hiệu quả trong điều kiện làm việc thay đổi và môi trường hội nhập quốc tế.	PI 3.1. Hình thành, triển khai hoàn thành công việc trong nhóm, ứng xử phù hợp và phát triển tinh thần trách nhiệm trong nhóm
		PI 3.2 Thực hiện các hoạt động truyền đạt hiệu quả trong môi trường công việc và môi trường hội nhập quốc tế
PO4: Cung cấp cho người học năng lực về ngoại ngữ và công nghệ thông tin đáp ứng với môi trường làm việc chuyên nghiệp và hội nhập.	PLO9 Khả năng sử dụng Tiếng Anh tối thiểu tương đương chuẩn trình độ trung cấp bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (theo thông tư Số: 01/2014/TT-BGDT)	

PO	PLO	PI
	Đối với Chương trình CLC (TABP): Chuẩn bậc 4/6	
	PLO10 Có kiến thức công nghệ thông tin nâng cao để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực chuyên môn, nghề nghiệp	PI 10.1 Biết sử dụng các ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực nghề nghiệp
		PI 10.2 Ứng dụng công nghệ thông tin nâng cao để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực chuyên môn, nghề nghiệp
PO5. Đào tạo người học có khả năng giải quyết các vấn đề chuyên môn và phát triển nghề nghiệp liên tục trong lĩnh vực kinh doanh quốc tế.	PLO6 Có khả năng vận dụng thành thạo kiến thức nền tảng và chuyên sâu để giải quyết các vấn đề chuyên môn	PI 6.1 Có khả năng vận dụng thành thạo kiến thức nền tảng để giải quyết các vấn đề chuyên môn
		PI 6.2 Có khả năng vận dụng thành thạo kiến thức chuyên sâu để giải quyết các vấn đề chuyên môn
	PLO7 Xác định các giải pháp ứng dụng trong lĩnh vực chuyên ngành và liên ngành	PI 7.1. Xác định các giải pháp ứng dụng trong lĩnh vực chuyên ngành
		PI 7.2. Xác định các giải pháp ứng dụng trong lĩnh vực liên ngành
	PLO8 Có khả năng thích ứng với các xu hướng thay đổi trong lĩnh vực chuyên môn, nghề nghiệp	PI 8.1. Xác định các xu hướng hiện tại và mới nổi trong lĩnh vực chuyên môn, nghề nghiệp.
		PI 8.2. Phân tích rủi ro, cơ hội liên quan đến việc thay đổi xu hướng trong lĩnh vực chuyên môn, nghề nghiệp

PO	PLO	PI
	PLO11. Xây dựng tư duy phát triển nghề nghiệp liên tục trong lĩnh vực kinh doanh quốc tế.	PI 11.1 Xây dựng kế hoạch phát triển nghề nghiệp lâu dài trong lĩnh vực kinh doanh quốc tế PI 11.2 Đề xuất các ứng dụng tiến bộ trong lĩnh vực kinh doanh quốc tế.

4. Ma trận đối sánh chuẩn đầu ra CTĐT với khung trình độ quốc gia Việt Nam:

Chuẩn đầu ra theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam bậc Đại học		Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs)										
		(Đánh dấu X vào ô có liên quan)										
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
Kiến thức:												
KT1	Kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng trong phạm vi của ngành đào tạo.	X										X
KT2	Kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật	X										
KT3	Kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc.										X	
KT4	Kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình trong một lĩnh vực hoạt động cụ thể.						X	X	X			X
KT5	Kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn.	X					X	X				X
Kỹ năng:												

Chuẩn đầu ra theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam bậc Đại học		Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs) (Đánh dấu X vào ô có liên quan)										
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
KN1	Kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp.		X	X								X
KN2	Kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác.			X		X						
KN3	Kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi.		X									
KN4	Kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.			X	X							
KN5	Kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp.			X				X	X			
KN6	Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.									X		
Mức độ tự chủ và trách nhiệm:												
TCTN1	Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân			X	X							

Chuẩn đầu ra theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam bậc Đại học		Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs)										
		(Đánh dấu X vào ô có liên quan)										
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	và trách nhiệm đối với nhóm.											
TCTN2	Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định.			X			X	X	X			X
TCTN3	Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.				X		X	X	X			X
TCTN4	Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.				X		X	X	X			X

5. Vị trí việc làm sau tốt nghiệp:

Người học tốt nghiệp ngành Kinh doanh quốc tế trình độ đại học có thể làm việc trong khu vực kinh tế tư nhân và khu vực Nhà nước, đảm nhiệm các vị trí nhân viên, chuyên viên nghiệp vụ, cụ thể như sau:

Khu vực doanh nghiệp

- Nhân viên, chuyên viên kinh doanh xuất nhập khẩu và thương mại quốc tế tại các doanh nghiệp sản xuất, thương mại, dịch vụ; đặc biệt là các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.
- Nhân viên, chuyên viên vận hành kinh doanh quốc tế, logistics, quản lý chuỗi cung ứng, marketing quốc tế, bán hàng tại các công ty đa quốc gia và doanh nghiệp tham gia hoạt động xuất nhập khẩu.
- Nhân viên logistics, giao nhận, vận tải quốc tế tại các công ty logistics, doanh nghiệp giao nhận hàng hóa, hãng tàu, hãng vận tải biển và hàng không.
- Nhân viên thanh toán quốc tế, tài trợ thương mại tại các ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các tổ chức tài chính.
- Nhân viên bảo hiểm hàng hóa, bảo hiểm xuất khẩu tại các doanh nghiệp bảo hiểm và doanh nghiệp xuất nhập khẩu.

- Nhân viên nghiên cứu thị trường, phát triển thị trường quốc tế, hỗ trợ hoạch định và triển khai chiến lược kinh doanh tại các doanh nghiệp.

Khu vực Nhà nước và các tổ chức hỗ trợ kinh doanh

Người học có thể đảm nhiệm các vị trí cán sự, nhân viên, chuyên viên nghiệp vụ tại các cơ quan và tổ chức sau:

- Chuyên viên tại các Sở, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/thành phố, bao gồm:
 - Sở Công Thương (lĩnh vực quản lý xuất nhập khẩu, xúc tiến thương mại, hội nhập kinh tế quốc tế);
 - Sở Kế hoạch và Đầu tư / Sở Tài chính (theo mô hình tổ chức tại từng địa phương), trong các bộ phận liên quan đến đầu tư và hợp tác quốc tế;
 - Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu chế xuất, Khu kinh tế.
- Cán bộ nghiệp vụ tại cơ quan Hải quan, Cảng vụ, các đơn vị quản lý hoạt động xuất nhập khẩu, logistics và thương mại quốc tế.
- Nhân viên, chuyên viên tại Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), các trung tâm xúc tiến thương mại – đầu tư và hỗ trợ doanh nghiệp hội nhập quốc tế.
- Nhân viên nghiệp vụ tại các tổ chức quốc tế và tổ chức phi chính phủ, các chương trình, dự án hợp tác quốc tế, phù hợp với trình độ đào tạo đại học.

6. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp:

Người học có khả năng tự học, học tập suốt đời, thích ứng với môi trường kinh doanh toàn cầu và yêu cầu thực tiễn của thị trường lao động.

Có thể học bổ sung kiến thức để được cấp văn bằng cử nhân thứ hai ở các ngành gần như Quản trị kinh doanh, Kinh tế quốc tế, Logistics và quản lý chuỗi cung ứng.

Có khả năng liên thông, chuyển tiếp với các chương trình đào tạo đại học tương đương trong nước và quốc tế.

Có đủ nền tảng để học tiếp trình độ sau đại học (thạc sĩ) trong và ngoài nước thuộc lĩnh vực Kinh doanh quốc tế và các ngành liên quan.

7. Khối lượng kiến thức toàn khóa:

Tổng số tín chỉ của Chương trình đào tạo là 125 tín chỉ, cộng với học phần Giáo dục thể chất (05 tín chỉ) và Giáo dục quốc phòng - an ninh (08 tín chỉ), cộng với học phần Tiếng Anh tăng cường (28 tín chỉ) và Kỹ năng mềm (8 tín chỉ). Các học phần trong

CTĐT được tổ chức giảng dạy trực tiếp và trực tuyến (online) đảm bảo số tín chỉ giảng dạy trực tuyến không vượt quá 30% tổng số lượng tín chỉ.

Các học phần Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng – an ninh, tiếng Anh tăng cường, Kỹ năng mềm được tính vào tổng số tín chỉ tích lũy, nhưng không tính vào điểm trung bình tích lũy học tập của sinh viên. Việc tích lũy đạt các học phần này là điều kiện để xét đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

8. Đối tượng tuyển sinh:

Có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

9. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp:

Thực hiện theo các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các quy định chi tiết của Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh

10. Chương trình đào tạo tham khảo - đối sánh:

10.1. Các trường đại học ở nước ngoài

- Chương trình Cử nhân Kinh doanh quốc tế – Florida International University (FIU), College of Business

10.2. Các trường đại học ở Việt Nam

- Chương trình cử nhân Kinh doanh quốc tế – Học viện Ngoại giao.
- Chương trình cử nhân Kinh doanh quốc tế – Trường Đại học Ngoại thương.
- Chương trình cử nhân Kinh doanh quốc tế – Trường Đại học Thương mại

11. Phương pháp giảng dạy và đánh giá kết quả học tập ⁵

11.1. Phương pháp giảng dạy

Nhằm giúp sinh viên đạt được các mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT **ngành Kinh doanh quốc tế**, các chiến lược và phương pháp giảng dạy được áp dụng cụ thể như sau:

Phương pháp Thuyết giảng (Lecture): Giảng viên trình bày tài liệu và giải đáp các thắc mắc của học viên.

Phương pháp Bài giảng tương tác (Interactive lecture): Thuyết giảng trong đó có quãng thời gian nghỉ khoảng từ hai đến mười lăm phút để cho sinh viên thực hiện các hoạt động học tập (chẳng hạn như: trả lời các câu hỏi trắc nghiệm nhiều lựa chọn, giải

⁵ Mô tả các phương pháp giảng dạy tham khảo theo tài liệu hướng dẫn

quyết vấn đề, bài tập so khớp và điền vào chỗ trống trong tập ghi chú bài giảng, vấn đáp về một trường hợp điển hình nhỏ, bài tập chia sẻ suy nghĩ theo cặp hoặc thảo luận nhóm nhỏ) cứ sau 12 đến 20 phút.

Phương pháp Thảo luận có định hướng (Directed discussion): Thảo luận trong lớp theo một bộ câu hỏi ít nhiều có tính trật tự mà giảng viên đặt ra để dẫn dắt học sinh đến những nhận thức hoặc kết luận nhất định hoặc để giúp họ đạt được một kết quả học tập cụ thể.

Phương pháp Bài tập (viết, hoặc trình bày) (Writing and speaking exercises): các bài tập, hoạt động học tập (thường thực hiện trong lớp và không chấm điểm), nhằm giúp người học khai thác học liệu, nắm vững kiến thức và chuẩn bị tốt cho bài tập có đánh giá điểm.

Phương pháp giảng dạy thông qua Làm việc/học tập theo nhóm (Group work/learning): người học thực hiện hoạt động học tập hoặc tạo ra một sản phẩm theo nhóm nhỏ từ hai đến sáu người trong hoặc ngoài lớp học, dưới sự hướng dẫn cẩn thận của giảng viên.

Giảng dạy bằng tình huống điển hình (Case method): Người học áp dụng kiến thức của học phần để đề ra giải pháp hoặc cách thức giải quyết các vấn đề, tình huống khó xử được trình bày trong một câu chuyện hoặc tình huống thực tế; tổ chức học tập bằng hoạt động cá nhân, nhóm nhỏ hoặc cả lớp.

Giảng dạy bằng học tập dựa vào cách giải quyết vấn đề (Problem-based learning): Các nhóm người học tiến hành nghiên cứu bên ngoài lớp học về các vấn đề chưa biết, do người học phát hiện nhằm xác định giải pháp hoặc cách giải quyết cho các vấn đề mơ hồ hoặc tình huống khó xử được trình bày trong một câu chuyện hoặc tình huống thực tế.

Giảng dạy bằng học tập dựa trên dự án (Project-based learning): người học (với tư cách cá nhân hoặc theo nhóm) áp dụng kiến thức khóa học để tạo ra một kết quả học tập, ví dụ: một báo cáo (viết hoặc nói), bản thiết kế quy trình hoặc sản phẩm, đề cương nghiên cứu hoặc mã máy tính; thường kết hợp với học tập hợp tác.

Giảng dạy vừa đúng lúc (Just-in-time teaching): là phương pháp giảng dạy trong đó giảng viên thực hiện điều chỉnh “vừa đúng lúc” các hoạt động dạy học trên lớp phù hợp với nhu cầu, trình độ của người học và định hướng lại các nhận thức sai của người học về nội dung bài học. Đầu tiên, người học hoàn thành các bài tập được giao (có thể bao gồm cả việc nghiên cứu các học liệu chưa được giảng trên lớp) và nộp bài thông qua phần mềm quản lý lớp học hoặc điền vào mẫu trên Web, gửi email, tin nhắn trên Facebook... đến giảng viên theo thời gian định trước (thường khoảng một vài giờ trước khi lên lớp). Sau khi người học nộp bài, giảng viên sẽ kiểm tra phản hồi của người học nhằm kịp thời phát hiện những hạn chế, yếu kém, những nhận thức sai lầm của người

học cũng như những kiến thức mà người học có thể tự học; giảng viên sử dụng các câu trả lời đó để tổ chức buổi học sắp tới.

Các phương pháp giảng dạy nói trên hướng đến việc giúp sinh viên đạt được chuẩn đầu ra CTĐT cụ thể như sau:

Phương pháp giảng dạy		Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs)										
		(Đánh dấu X vào ô có liên quan)										
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Phương pháp Thuyết giảng	X										X
2	Phương pháp Bài giảng tương tác	X										X
3	Phương pháp Thảo luận có định hướng		X			X	X			X		X
4	Phương pháp Bài tập (viết, hoặc trình bày)	X					X	X		X	X	
5	Phương pháp giảng dạy thông qua Làm việc/học tập theo nhóm			X			X					X
6	Giảng dạy bằng tình huống điển hình		X				X	X	X			X
7	Giảng dạy bằng học tập dựa vào cách giải quyết vấn đề		X		X		X	X	X		X	X
8	Giảng dạy bằng học tập dựa trên dự án					X	X	X		X	X	X
9	Giảng dạy vừa đúng lúc		X	X					X			

11.2. Đánh giá kết quả học tập

Điểm đánh giá kết quả học tập từng học phần của sinh viên được tính theo thang điểm hệ 10, được quy đổi sang điểm chữ và thang điểm hệ 4. Việc quy đổi điểm giữa các thang điểm được thực hiện theo Quy chế tổ chức và quản lý đào tạo trình độ đại học hiện hành tại Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh.

12. Kết cấu và nội dung chương trình

12.1. Kết cấu chương trình đào tạo

TT	Khối kiến thức	Số học phần			Số tín chỉ			Tỷ lệ
		Bắt buộc	Tự chọn		Bắt buộc	Tự chọn		
			Bắt buộc	Tự do		Bắt buộc	Tự do	
1	Giáo dục đại cương	10	0		22	0		17.6%
2	Giáo dục chuyên nghiệp							
2.1	Cơ sở ngành	14	3		40	9		39.2%
2.2	Ngành	7	2		21	6		21.6%
2.3	Chuyên ngành	5	2		12	15		21.6%
	Tổng cộng	36	7		95	30		100%

TT	Khối kiến thức giáo dục đại cương khác	Số tín chỉ
1	Giáo dục thể chất	5
2	Giáo dục Quốc phòng an ninh	8
	Tổng cộng	13

TT	Tiếng Anh tăng cường và Kỹ năng mềm	Số tín chỉ
1	Tiếng Anh tăng cường	28
2	Kỹ năng mềm	8
	Tổng cộng	36

12.2. Khung chương trình đào tạo

TT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt/Tiếng Anh)	Số tín chỉ	Phân bổ thời lượng tín chỉ			Học kỳ phân bổ	Mã học phần trước
				Lý thuyết	Thực hành	Khác		
	KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG							
		Học phần bắt buộc						

TT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt/Tiếng Anh)	Số tín chỉ	Phân bổ thời lượng tín chỉ			Học kỳ phân bổ	Mã học phần trước
				Lý thuyết	Thực hành	Khác		
1	MLM306	Triết học Mác-Lênin / <i>Marxist-Leninist philosophy</i>	3	3	0	0	1	Không
2	MLM307	Kinh tế chính trị Mác - Lênin/ <i>Political Economics of Marxism and Leninism</i>	2	2	0	0	2	Triết học Mác - Lênin
3	MLM308	Chủ nghĩa xã hội khoa học/ <i>Scientific socialism</i>	2	2	0	0	3	Triết học Mác - Lênin
4	MLM309	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam/ <i>History of Vietnamese communist party</i>	2	2	0	0	2	Triết học Mác - Lênin
5	MLM303	Tư tưởng Hồ Chí Minh/ <i>Ideologies of Ho Chi Minh</i>	2	2	0	0	4	Triết học Mác - Lênin
6	AMA303	Lý thuyết xác suất và thống kê toán/ <i>Probability and Statistics</i>	3	3	0	0	2	Không
7	LAW798	Pháp luật và thể chế/ <i>Law and Institution</i>	2	2	0	0	3	Không
8	MAE701	Toán kinh tế 1/ <i>Mathematic for Economics 1</i>	2	2	0	0	2	Không
9	MAE702	Toán kinh tế 2/ <i>Mathematic for Economics 2</i>	2	2	0	0	4	Toán kinh tế 1
10	FIN730	Phát triển bền vững và tài chính xanh/ <i>Sustainable development and green finance</i>	2	2	0	0	2	Không
KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP								
Học phần khối kiến thức cơ sở ngành								
Học phần bắt buộc								
1	MES302	Kinh tế học vi mô/ <i>Microeconomics</i>	3	3	0	0	1	Không
2	MES303	Kinh tế học vĩ mô/ <i>Macroeconomics</i>	3	3	0	0	1	Không

TT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt/Tiếng Anh)	Số tín chỉ	Phân bổ thời lượng tín chỉ			Học kỳ phân bổ	Mã học phần trước
				Lý thuyết	Thực hành	Khác		
3	ACC301	Nguyên lý kế toán / <i>Principles of Accounting</i>	3	3	0	0	1	Không
4	ITS723	Logic ứng dụng trong kinh doanh/ <i>Applied Logic in Business</i>	2	2	0	0	1	Không
5	MAG322	Quản trị học/ <i>Fundamentals of Management</i>	3	3	0	0	2	Không
6	BAF736	Tiền tệ, ngân hàng và công nghệ tài chính/ <i>Money, Banking and Fintech</i>	3	3	0	0	2	Không
7	FIN303	Tài chính doanh nghiệp/ <i>Corporate Finance</i>	3	3	0	0	3	Nguyên lý kế toán
8	INE704	Phương pháp nghiên cứu khoa học/ <i>Scientific Research Methodology</i>	3	3	0	0	3	Không
9	ITS772	Phát triển năng lực số/ <i>Digital Capabilities Development</i>	3	3	0	0	3	Chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin nâng cao, Chứng nhận ứng dụng trí tuệ nhân tạo
10	ENP759	Tiếng Anh chuyên ngành Kinh doanh quốc tế/ <i>English for International Business</i>	3	3	0	0	3	Tiếng Anh chuyên ngành 1
11	DIM706	Marketing số/ <i>Digital Marketing</i>	3	3	0	0	4	Không
12	INB718	Lịch sử kinh doanh/ <i>Business History</i>	2	2	0	0	1	Không

TT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt/Tiếng Anh)	Số tín chỉ	Phân bổ thời lượng tín chỉ			Học kỳ phân bổ	Mã học phần trước
				Lý thuyết	Thực hành	Khác		
13	INB717	Nguyên lý chiến lược kinh doanh/ <i>Principles of Business Strategy</i>	3	3	0	0	4	Không
14	ITS754	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong kinh doanh và quản lý/ <i>Applications of Artificial Intelligence in Business and Management</i>	3	3	0	0	5	Quản trị học
		Học phần tự chọn (Sinh viên chọn 3 trong 4 học phần sau)						
15a	INE302	Kinh tế học quốc tế/ <i>International Economics</i>	3	3	0	0	4	Không
15b	INB722	Địa chính trị/ <i>Geopolitics</i>	3	3	0	0	4	Kinh tế vĩ mô
15c	INE307	Tài chính quốc tế/ <i>International Finance</i>	3	3	0	0	5	Không
15d	INE311	Đầu tư quốc tế/ <i>International Investment</i>	3	3	0	0	5	Không
		Học phần khối kiến thức ngành						
		Học phần bắt buộc						
1	INE716	International Business/ <i>Kinh doanh quốc tế</i>	3	3	0	0	5	Kinh tế vi mô
2	INB734	International Consumer Behavior/ <i>Hành vi người tiêu dùng quốc tế</i>	3	3	0	0	5	Không
3	INE719	International trade transactions/ <i>Giao dịch thương mại quốc tế</i>	3	3	0	0	5	Kinh doanh quốc tế
4	INB731	Business data analytics/ <i>Phân tích dữ liệu kinh doanh</i>	3	3	0	0	7	Không

TT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt/Tiếng Anh)	Số tín chỉ	Phân bổ thời lượng tín chỉ			Học kỳ phân bổ	Mã học phần trước
				Lý thuyết	Thực hành	Khác		
5	INE712	Global Marketing/ <i>Marketing toàn cầu</i>	3	3	0	0	6	Không
6	INB737	Market research/ <i>Nghiên cứu thị trường</i>	3	3	0	0	6	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
7	INB733	Distribution Channels/ <i>Kênh phân phối</i>	3	3	0	0	6	Không
		Học phần tự chọn (Sinh viên chọn 2 trong 3 học phần sau)						
8a	INB732	Digital Business Models/ <i>Các mô hình kinh doanh số</i>	3	3	0	0	6	Không
8b	INB739	Service Marketing/ <i>Marketing dịch vụ</i>	3	3	0	0	6	Không
8c	INE718	International supply chain management/ <i>Quản trị chuỗi cung ứng quốc tế</i>	3	3	0	0	6	Không
		Học phần khối kiến thức chuyên ngành						
		Học phần bắt buộc						
1	INE717	International Logistics/ <i>Logistics quốc tế</i>	3	3	0	0	7	Không
2	MKE701	Strategic Marketing/ <i>Chiến lược Marketing</i>	3	3	0	0	7	Không
3	INE715	International Business Strategy/ <i>Chiến lược kinh doanh quốc tế</i>	3	3	0	0	8	Kinh doanh quốc tế
	Liên ngành	Học phần tự chọn (Sinh viên chọn 1 trong 2 hướng)						
	Hướng 1	Khởi nghiệp						
4A	DIM743	Entrepreneurship in the Digital Age/ <i>Khởi nghiệp kinh</i>	3	3	0	0	7	Quản trị học

TT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt/Tiếng Anh)	Số tín chỉ	Phân bổ thời lượng tín chỉ			Học kỳ phân bổ	Mã học phần trước
				Lý thuyết	Thực hành	Khác		
		<i>doanh trong thời đại số</i>						
5A	INB738	Multicultural Management/ <i>Quản lý đa văn hóa</i>	3	3	0	0	7	Không
	Hướng 2	Quản trị kinh doanh quốc tế						
4B	INB736	International Project Management/ <i>Quản trị dự án quốc tế</i>	3	3	0	0	7	Không
5B	INB735	International human resource management/ <i>Quản trị nguồn nhân lực quốc tế</i>	3	3	0	0	7	Không
6	INT713	Internship in International Business/ <i>Thực tập cuối khóa ngành KDQT</i>	3	0	0	3	8	Theo quy định
7	REP713	Dissertation in International Business/ <i>Khóa luận tốt nghiệp ngành KDQT</i>	9	0	0	9	8	Theo quy định
Tổng số tín của chương trình đào tạo			125					
Tổng số tín chỉ bắt buộc			95					
Tổng số tín chỉ tự chọn tối thiểu			30					

13. Kế hoạch đào tạo phân theo học kỳ:

Học kỳ	TT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt/Tiếng Anh)	Số tín chỉ	Mã học phần trước	Bắt buộc (BB)/Tự chọn (TC)	Ngôn ngữ giảng dạy
1	1	MLM306	Triết học Mác – Lênin/ <i>Philosophy of Marxism and Leninism</i>	3	Không	BB	Tiếng Việt

Học kỳ	TT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt/Tiếng Anh)	Số tín chỉ	Mã học phần trước	Bắt buộc (BB)/Tự chọn (TC)	Ngôn ngữ giảng dạy
	2	MAE701	Toán kinh tế 1/ <i>Mathematic for Economics 1</i>	2	Không	BB	Tiếng Việt
	3	LAW798	Pháp luật và thể chế/ <i>Law and Institution</i>	2	Không	BB	Tiếng Việt
	4	MAG322	Quản trị học/ <i>Fundamentals of Management</i>	3	Không	BB	Tiếng Việt
	5	ACC301	Nguyên lý kế toán/ <i>Principles of Accounting</i>	3	Không	BB	Tiếng Việt
	6	MES302	Kinh tế học vi mô/ <i>Microeconomics</i>	3	Không	BB	Tiếng Việt
			Học phần giáo dục thể chất 1	1		BB	Tiếng Việt
			Anh văn tăng cường 1	4		Tăng cường	Tiếng Anh
			Kỹ năng mềm 1	2		Tăng cường	Tiếng Việt
	Tổng tín chỉ trong học kỳ			16			
2	1	MLM307	Kinh tế chính trị Mác - Lênin/ <i>Political Economics of Marxism and Leninism</i>	2	Triết học Mác - Lênin	BB	Tiếng Việt
	2	AMA303	Lý thuyết xác suất và thống kê toán/ <i>Probability and Statistics</i>	3	Không	BB	Tiếng Việt

Học kỳ	TT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt/Tiếng Anh)	Số tín chỉ	Mã học phần trước	Bắt buộc (BB)/Tự chọn (TC)	Ngôn ngữ giảng dạy
	3	MAE702	Toán kinh tế 2/ <i>Mathematic for Economics 2</i>	2	Toán kinh tế 1	BB	Tiếng Việt
	4	MLM309	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam/ <i>History of Vietnamese communist party</i>	2	Triết học Mác - Lênin	BB	Tiếng Việt
	5	MES303	Kinh tế học vĩ mô/ <i>Macroeconomics</i>	3	Không	BB	Tiếng Việt
	6	ITS723	Logic ứng dụng trong kinh doanh/ <i>Applied Logic in Business</i>	2	Không	BB	Tiếng Việt
	7	FIN730	Phát triển bền vững và tài chính xanh/ <i>Sustainable development and green finance</i>	2	Không	BB	Tiếng Việt
			Học phần giáo dục thể chất 2	1		BB	Tiếng Việt
			Anh văn tăng cường 2	4		Tăng cường	Tiếng Anh
			Anh văn tăng cường 3	4		Tăng cường	Tiếng Anh
Tổng tín chỉ trong học kỳ				16			
3	1	MLM308	Chủ nghĩa xã hội khoa học/ <i>Scientific socialism</i>	2	Triết học Mác - Lênin	BB	Tiếng Việt
	2	INE704	Phương pháp nghiên cứu khoa học/ <i>Scientific Research Methodology</i>	3	Không	BB	Tiếng Việt

Học kỳ	TT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt/Tiếng Anh)	Số tín chỉ	Mã học phần trước	Bắt buộc (BB)/Tự chọn (TC)	Ngôn ngữ giảng dạy
	3	BAF736	Tiền tệ, ngân hàng và công nghệ tài chính/ <i>Money, Banking and Fintech</i>	3	Không	BB	Tiếng Việt
	4	ITS772	Phát triển năng lực số/ <i>Digital Capabilities Development</i>	3	Chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin nâng cao, Chứng nhận ứng dụng trí tuệ nhân tạo.	BB	Tiếng Việt
	5	INB718	Lịch sử kinh doanh/ <i>Business History</i>	2	Không	BB	Tiếng Việt
	6	DIM706	Marketing số/ <i>Digital Marketing</i>	3	Không	BB	Tiếng Việt
			Học phần giáo dục thể chất 3	1		BB	Tiếng Việt
			Anh văn tăng cường 4	4		Tăng cường	Tiếng Anh
			Kỹ năng mềm 2	2		Tăng cường	Tiếng Việt
	Tổng tín chỉ trong học kỳ			16			
4	1	MLM303	Tư tưởng Hồ Chí Minh/ <i>Ideologies of Ho Chi Minh</i>	2	Triết học Mác - Lênin	BB	Tiếng Việt

Học kỳ	TT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt/Tiếng Anh)	Số tín chỉ	Mã học phần trước	Bắt buộc (BB)/Tự chọn (TC)	Ngôn ngữ giảng dạy
	2	FIN303	Tài chính doanh nghiệp/ <i>Corporate Finance</i>	3	Nguyên lý kế toán	BB	Tiếng Việt
	3	ITS754	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong kinh doanh và quản lý/ <i>Applications of Artificial Intelligence in Business and Management</i>	3	Quản trị học	BB	Tiếng Việt
	4	INB717	Nguyên lý chiến lược kinh doanh/ <i>Principles of Business Strategy</i>	3	Không	BB	Tiếng Việt
	5	ENP759	Tiếng Anh chuyên ngành Kinh doanh quốc tế/ <i>English for International Business.</i>	3	Tiếng Anh chuyên ngành 1	BB	Tiếng Việt
	6	INE716	International Business/ <i>Kinh doanh quốc tế</i>	3	Kinh tế vi mô	BB	Tiếng Anh
			Học phần giáo dục thể chất 4	1		BB	Tiếng Việt
			Anh văn tăng cường 5	4		Tăng cường	Tiếng Anh
			Anh văn tăng cường 6	4		Tăng cường	Tiếng Anh
Tổng tín chỉ trong học kỳ				17			
5	1	INB734	International Consumer Behavior/ <i>Hành vi người tiêu dùng quốc tế</i>	3	Không	BB	Tiếng Anh

Học kỳ	TT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt/Tiếng Anh)	Số tín chỉ	Mã học phần trước	Bắt buộc (BB)/Tự chọn (TC)	Ngôn ngữ giảng dạy
	2	INE719	International trade transactions/ <i>Giao dịch thương mại quốc tế</i>	3	Kinh doanh quốc tế	BB	Tiếng Anh
		Học phần tự chọn (Sinh viên chọn 3 trong 4 học phần sau)					
	3-4-5a	INE307	Tài chính quốc tế/ <i>International Finance</i>	3	Không	TC	Tiếng Việt
	3-4-5b	INE311	Đầu tư quốc tế/ <i>International Investment</i>	3	Không	TC	Tiếng Việt
	3-4-5c	INE302	Kinh tế học quốc tế/ <i>International Economics</i>	3	Không	BB	Tiếng Việt
	3-4-5d	INB722	Địa chính trị/ <i>Geopolitics</i>	3	Kinh tế vĩ mô	BB	Tiếng Việt
			Học phần giáo dục thể chất 5	1		BB	Tiếng Việt
			Anh văn tăng cường 7	4		Tăng cường	Tiếng Anh
	Tổng tín chỉ trong học kỳ			15			
6	1	INE712	Global Marketing/ <i>Marketing toàn cầu</i>	3	Không	BB	Tiếng Anh
	2	INB737	Market research/ <i>Nghiên cứu thị trường</i>	3	Lý thuyết xác suất và thống kê Toán	BB	Tiếng Anh

Học kỳ	TT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt/Tiếng Anh)	Số tín chỉ	Mã học phần trước	Bắt buộc (BB)/Tự chọn (TC)	Ngôn ngữ giảng dạy
	3	INB733	Distribution Channels/ <i>Kênh phân phối</i>	3	Không	BB	Tiếng Anh
	Học phần tự chọn (Sinh viên chọn 2 trong 3 học phần sau)						
	4-5a	INB732	Digital Business Models/ <i>Các mô hình kinh doanh số</i>	3	Không	BB	Tiếng Anh
	4-5b	INB739	Service Marketing/ <i>Marketing dịch vụ</i>	3	Không	TC	Tiếng Anh
	4-5c	INE718	International supply chain management/ <i>Quản trị chuỗi cung ứng quốc tế</i>	3	Không	TC	Tiếng Anh
			Kỹ năng mềm 3	2		Tăng cường	Tiếng Việt
	Tổng tín chỉ trong học kỳ			15			
7	1	INB731	Business data analytics/ <i>Phân tích dữ liệu kinh doanh</i>	3	Không	BB	Tiếng Anh
	2	INE717	International Logistics/ <i>Logistics quốc tế</i>	3	Không	BB	Tiếng Anh
	3	INB724	Strategic Marketing/ <i>Chiến lược Marketing</i>	3	Không	BB	Tiếng Anh
			Kỹ năng mềm 4	2		Tăng cường	Tiếng Việt
	Học phần tự chọn (Sinh viên chọn 1 trong số 2 hướng liên ngành sau)						

Học kỳ	TT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt/Tiếng Anh)	Số tín chỉ	Mã học phần trước	Bắt buộc (BB)/Tự chọn (TC)	Ngôn ngữ giảng dạy
	Hướng 1: Khởi nghiệp						
	4a	DIM743	Entrepreneurship in the Digital Age/ <i>Khởi nghiệp kinh doanh trong thời đại số</i>	3	Không	TC	Tiếng Anh
	5a	INB738	Multicultural Management/ <i>Quản lý đa văn hóa</i>	3	Không	TC	Tiếng Anh
	Hướng 2: Quản trị kinh doanh quốc tế						
	4b	INB736	International Project Management/ <i>Quản trị dự án quốc tế</i>	3	Không	TC	Tiếng Anh
	5b	INB735	International human resource management/ <i>Quản trị nguồn nhân lực quốc tế</i>	3	Không	TC	Tiếng Anh
	Tổng tín chỉ trong học kỳ			15			
8	1	INE715	International Business Strategy/ <i>Chiến lược kinh doanh quốc tế</i>	3	Kinh doanh quốc tế	BB	Tiếng Anh
	2	INT713	Internship in International Business/ <i>Thực tập cuối khóa ngành KDQT</i>	3	Theo quy định của Trường	BB	Tiếng Anh
	3	REP713	Dissertation in International Business/ <i>Khóa luận tốt nghiệp ngành KDQT</i>	9	Các học phần chuyên ngành Kinh doanh quốc tế.	BB	Tiếng Anh

Học kỳ	TT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt/Tiếng Anh)	Số tín chỉ	Mã học phần trước	Bắt buộc (BB)/Tự chọn (TC)	Ngôn ngữ giảng dạy
					Các học phần về Phương pháp nghiên cứu khoa học, Kinh tế lượng ứng dụng		
Tổng tín chỉ trong học kỳ				15			

14. Sơ đồ cây chương trình đào tạo (danh sách các học phần được hệ thống hóa theo các khối kiến thức và trình tự học):

HKI (16 TC)	Triết học Mác – Lênin	Toán kinh tế 1	Pháp luật và thể chế	Quản trị học	Nguyên lý kế toán	Kinh tế học vi mô	
HKII (16 TC)	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	Toán kinh tế 2	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	Kinh tế học vĩ mô	Logic ứng dụng trong kinh doanh	Phát triển bền vững và tài chính xanh
HKIII (16 TC)	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Tiền tệ, Ngân hàng và Công nghệ tài chính	Phát triển năng lực số	Lịch sử kinh doanh	Marketing số	
HKIV (17 TC)	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Tài chính doanh nghiệp	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong kinh doanh và quản lý	Nguyên lý chiến lược kinh doanh	Tiếng Anh chuyên ngành KDQT	International Business	
HKV (15 TC)	Học phần tự chọn (chọn 3 trong 4)	Tài chính quốc tế/Đầu tư quốc tế/Kinh tế học quốc tế/Địa chính trị	International Consumer Behavior	International Trade Transactions			
HKVI (15 TC)	Global Marketing	Market Research	Distribution Channels	Học phần tự chọn (chọn 2 trong 3)	Service Marketing/International Supply Chain Management/Digital Business Models		
HKVII (15 TC)	Business Data Analytics	International Logistics	Strategic Marketing	Sinh viên chọn 1 trong 2 hướng liên ngành (2 môn/6 TC)	Khởi nghiệp (Entrepreneurship in the Digital Age; Multicultural Management) Quản trị KDQT (International Project Management; International HRM)		
HKVIII (15 TC)	International Business Strategy	Internship in International Business	Dissertation in International Business				
Chú thích	Kiến thức giáo dục đại cương	Kiến thức cơ sở ngành	Kiến thức ngành/chuyên ngành	Kiến thức chuyên ngành			

15. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs) ⁶

15.1. Ma trận đóng góp học phần PLO.

STT	Chuẩn đầu ra	PLOs										
	TÊN HỌC PHẦN	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
HỌC KỲ 1												
Học phần bắt buộc												
1	Triết học Mác-Lênin / Marxist-Leninist phylosophy	2				2						
2	Toán kinh tế 1/ <i>Mathematic for Economics I</i>	3		3			3					
3	Pháp luật và thể chế/ <i>Law and Institutions</i>	3		2		2						
4	Quản trị học/ <i>Fundamentals of Management</i>	2			3	3						
5	Kinh tế học vi mô/ <i>Microeconomics</i>	3	3		2							
6	Nguyên lý kế toán / <i>Principles of Accounting</i>	3		2			3					
HỌC KỲ 2												
Học phần bắt buộc												
1	Kinh tế học vĩ mô/ <i>Macroeconomics</i>	3	3		2							
2	Logic ứng dụng trong kinh doanh/ <i>Applied Logic in Business</i>	2	3				3					
3	Kinh tế chính trị Mác - Lênin/ <i>Political Economics of Marxism and Leninism</i>	2	2									
4	Lý thuyết xác suất và thống kê toán/ <i>Probability and Statistics</i>	3					3					
5	Toán kinh tế 2/ <i>Mathematic for Economics 2</i>	3		3			3					
6	Phát triển bền vững và Tài chính xanh/ <i>Sustainable development and green finance</i>	2		2		2						
7	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam/ <i>History of Vietnamese communist party</i>	2			2	2						
HỌC KỲ 3												
Học phần bắt buộc												
1	Lịch sử kinh doanh/ <i>Business History</i>						2	3	4			
2	Tiền tệ, ngân hàng và công nghệ tài chính/ <i>Money, Banking and Fintech</i>			2			3		4			
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học/ <i>Scientific socialism</i>	2				2						

⁶ Thực hiện tên Word hoặc theo mẫu Excel sau đó copy đưa vào file này.

STT	Chuẩn đầu ra		PLOs										
	TÊN HỌC PHẦN		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
4	Phương pháp nghiên cứu khoa học/Scientific Research Methodology	3	4			4							
5	Phát triển năng lực số/Digital Capabilities Development								3			4	
6	Marketing số/Digital Marketing								2	3			3
HỌC KỲ 4													
Học phần bắt buộc													
1	Tiếng Anh chuyên ngành Kinh doanh quốc tế/English for International Business		4	4							4		
2	Tài chính doanh nghiệp/ Corporate Finance							3					
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh/Ideologies of Ho Chi Minh	2			2	2							
4	Nguyên lý chiến lược kinh doanh/Principles of Business Strategy	3	4						4				
5	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong kinh doanh và quản lý/Applications of Artificial Intelligence in Business and Management								2	3		3	
6	International Business/Kinh doanh quốc tế							4	4	4			
HỌC KỲ 5													
Học phần bắt buộc													
1	International Consumer Behavior/Hành vi người tiêu dùng quốc tế							3	3	3			
2	International trade transactions/Giao dịch thương mại quốc tế					4		4	4				
Học phần tự chọn (Sinh viên chọn 3 trong 4 học phần sau)													
3-4-5-6a	Kinh tế học quốc tế/ International Economics	3			4	4							
3-4-5-6b	Địa chính trị/ Geopolitics							2	3	4			
3-4-5-6c	Tài chính quốc tế /International Finance							4	4	4			
3-4-5-6d	Đầu tư quốc tế/International Investment							4	4	4			4
HỌC KỲ 6													
Học phần bắt buộc													
1	Global Marketing/Marketing toàn cầu	3	4					4					
2	Market research/Nghiên cứu thị trường		4										5
3	Distribution Channels/Kênh phân phối							4	4	4			
Học phần tự chọn (Sinh viên chọn 2 trong 3 học phần sau)													
4-5-6a	Digital Business Models/Các mô hình kinh doanh số			4				4	4				

STT	Chuẩn đầu ra		PLOs										
	TÊN HỌC PHẦN		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
4-5-6b	Service Marketing/Marketing dịch vụ							3	4	4			
4-5-6c	International supply chain management/Quản trị chuỗi cung ứng quốc tế					4		4		4			
HỌC KỲ 7													
Học phần bắt buộc													
1	Business data and analytics/Phân tích dữ liệu kinh doanh			4				4	4				
2	International Logistics/Logistics quốc tế							4	4	4			
3	Strategic Marketing/Chiến lược Marketing				3			4		4			
Học phần tự chọn bổ trợ liên ngành (Sinh viên chọn 1 trong 2 hướng sau)													
Hướng 1: Khởi nghiệp													
4a	Entrepreneurship in the Digital Age/ Khởi nghiệp kinh doanh trong thời đại số								2	2			3
5a	Multicultural Management/Quản lý đa văn hóa							4	4	4			
Hướng 2: Quản trị kinh doanh quốc tế													
4b	International Project Management/Quản trị dự án quốc tế				4			4	4				
5b	International human resource management/Quản trị nguồn nhân lực quốc tế		4					4	4				
HỌC KỲ 8													
Học phần bắt buộc													
1	International Business Strategy/Chiến lược kinh doanh quốc tế				4			4					5
2	Internship in International Business/Thực tập cuối khóa ngành KDQT								4	4			4
3	Dissertation in International Business/Khóa luận tốt nghiệp ngành KDQT					4		4	4	4			5

Mức 1			0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Mức 2			8	2	4	4	6	2	3	1	0	0	0
Mức 3			11	3	3	1	1	9	4	3	0	1	2
Mức 4			1	6	5	5	1	16	15	13	1	1	2
Mức 5			0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3
Học phần đóng góp			20	11	12	10	8	27	22	17	1	2	7

15.2. Ma trận đóng góp học phần PLO.PI

TT	Tên học phần (HPi)		Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)																							
			CLOij	PI	PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5			PLO6		PLO7		PLO8		PLO9	PLO10		PLO11	
					1.1	1.2	2.1	2.2	3.1	3.2	4.1	4.2	5.1	5.2	5.3	6.1	6.2	7.1	7.2	8.1	8.2		10.1	10.2	11.1	11.2
HỌC KỲ 1																										
Học phần bắt buộc																										
1	Triết học Mác-Lênin	CLO1		2																						
		CLO2		2																						
		CLO3		1																						
		CLO4											2	2												
2	Toán kinh tế 1	CLO1		3	3																					
		CLO2		3	3																					
		CLO3		3	3																					
		CLO4													3	3										
		CLO5		3	3			3	3																	
3	Pháp luật và thể chế	CLO1		3								2														
		CLO2						2																		
		CLO3						2				2														
4	Quản trị học	CLO1		2							2															
		CLO2									3		3													
5	Kinh tế học vi mô	CLO1			3																					
		CLO2				3																				
		CLO3								2																
6	Nguyên lý kế toán	CLO1		3																						
		CLO2			3																					
		CLO3													3											
		CLO4						2																		
		CLO5														3										
HỌC KỲ 2																										
Học phần bắt buộc																										
7	Kinh tế học vĩ mô	CLO1			3																					

TT	Tên học phần (HPI)	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)																						
		PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5			PLO6		PLO7		PLO8		PLO9	PLO10		PLO11		
		PI	1.1	1.2	2.1	2.2	3.1	3.2	4.1	4.2	5.1	5.2	5.3	6.1	6.2	7.1	7.2	8.1		8.2	10.1	10.2	11.1	11.2
	CLO1 <i>j</i>																							
	CLO2					3																		
	CLO3							2																
8	CLO1		2																					
	CLO2			3																				
	CLO3												3											
	CLO1	2																						
	CLO2	2																						
9	CLO3				2	2																		
	CLO4				2	2																		
	CLO1	2	2																					
	CLO2	3	3																					
10	CLO3													3	3									
	CLO1		3	3																				
	CLO2		3	3																				
11	CLO3		3	3																				
	CLO4		3	3																				
	CLO5													3	3									
	CLO6						3	3																
	CLO1		2																					
	CLO2						2																	
12	CLO3																2							
	CLO1		2																					
	CLO2																							
13	CLO3																							
	CLO1		2																					
	CLO2		2																					
	CLO3							2	2															
HỌC KỲ 3	CLO4									2	2													
Học phần bắt buộc																								
14	Lịch sử kinh doanh														2									3
	CLO1																							
	CLO2																							

TT	Tên học phần (HPi)		Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)																					
			PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5			PLO6		PLO7		PLO8		PLO9	PLO10		PLO11	
			PI	1.1	1.2	2.1	2.2	3.1	3.2	4.1	4.2	5.1	5.2	5.3	6.1	6.2	7.1	7.2	8.1		8.2	10.1	10.2	11.1
		CLOi																						
		CLO3																	4					
15	Tiền tệ, ngân hàng và công nghệ tài chính	CLO1						2																
		CLO2												3										
		CLO3																4						
16	Chủ nghĩa xã hội khoa học	CLO1		2																				
		CLO2		2																				
		CLO3																						
		CLO4									2	2												
17	Phương pháp nghiên cứu khoa học	CLO1			3																			
		CLO2					4																	
		CLO3								4														
18	Phát triển năng lực số	CLO1															3							
		CLO2																			4			
		CLO3															3							
		CLO4																		3				
19	Marketing số	CLO1															2							
		CLO2															2							
		CLO3																3						
		CLO4																				3		
		CLO5																						3
HỌC KỲ 4																								
Học phần bắt buộc																								
20	Tài chính doanh nghiệp	CLO1					2																	
		CLO2												3										
21	Tiếng Anh chuyên ngành Kinh doanh quốc tế	CLO1				4																		
		CLO2						4																
		CLO3																		4				
22	Tư tưởng Hồ Chí Minh	CLO1		2																				
		CLO2		2																				

TT		Tên học phần (HPI)	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)																						
			PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5			PLO6		PLO7		PLO8		PLO9	PLO10		PLO11		
			PI	1.1	1.2	2.1	2.2	3.1	3.2	4.1	4.2	5.1	5.2	5.3	6.1	6.2	7.1	7.2	8.1		8.2	10.1		10.2	11.1
	CLO1j																								
	CLO3																								
	CLO4																								
23	CLO1		3																						
	CLO2				4																				
	CLO3																								
24	CLO1																								
	CLO2																	3							
	CLO3																			3					
25	CLO1																								
	CLO2															4									
	CLO3																								
HỌC KỲ 5																									
Học phần bắt buộc																									
26	CLO1	International Consumer Behavior/Hành vi người tiêu dùng quốc tế																							
	CLO2																								
	CLO3																								
27	CLO1	International trade transactions/Giao dịch thương mại quốc tế																							
	CLO2																								
	CLO3																								
Học phần tự chọn (SV chọn 3 trong 4 học phần sau)																									
28-29-30a	CLO1	Kinh tế học quốc tế		3																					
	CLO2					4																			
	CLO3																								
28-29-30b	CLO1	Địa chính trị																							
	CLO2																								
	CLO3																								
28-29-30c	CLO1	Tài chính quốc tế																							
	CLO2																								

TT	Tên học phần (HPi)	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)																						
		PI	PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5			PLO6		PLO7	PLO8		PLO9	PLO10		PLO11		
			1.1	1.2	2.1	2.2	3.1	3.2	4.1	4.2	5.1	5.2	5.3	6.1	6.2	7.1	7.2	8.1		8.2	10.1		10.2	11.1
	CLOij																							
	CLO3																	4						
	CLO1														4									
	CLO2																4							
	CLO3																				4			
HỌC KỲ 6																								
Học phần bắt buộc																								
31	Global Marketing/Marketing g toàn cầu		3																					
	CLO1																							
	CLO2				4																			
	CLO3														4									
32	Market research/Nghiên cứu thị trường				4								4											
	CLO1																							
	CLO2								4															
	CLO3																						5	
33	Distribution Channels/Kênh phân phối												4											
	CLO1																							
	CLO2													4										
	CLO3																	4						
Học phần tự chọn (SV chọn 2 trong 3 học phần sau)																								
34-35a	Digital Business Models/Các mô hình kinh doanh số							4																
	CLO1																							
	CLO2												4											
	CLO3																	4						
34-35b	Service Marketing/Marketing g dịch vụ														3									
	CLO1																							
	CLO2															4								
	CLO3																		4					
34-35c	International supply chain management/Quản trị chuỗi cung ứng quốc tế													4										
	CLO1																							
	CLO2																4							
	CLO3																			4				
HỌC KỲ 7																								
Học phần bắt buộc																								

TT	Tên học phần (HPI)		Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)																					
			PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5		PLO6		PLO7		PLO8		PLO9	PLO10		PLO11		
			PI	1.1	1.2	2.1	2.2	3.1	3.2	4.1	4.2	5.1	5.2	5.3	6.1	6.2	7.1	7.2		8.1	8.2		10.1	10.2
36	Business data analytics/Phân tích dữ liệu kinh doanh	CLOij																						
		CLO1			4																			
		CLO2												4										
		CLO3														4								
37	International Logistics/Logistics quốc tế	CLO1																						
		CLO2														4								
		CLO3																	4					
		CLO1																						
38	Strategic Marketing/Chiến lược Marketing	CLO1								3														
		CLO2												4										
		CLO3																	4					
		CLO1																						
Liên ngành: Học phần tự chọn (SV chọn 1 trong 2 hướng)																								
Hướng 1: Khởi nghiệp																								
39-40a	Entrepreneurship in the Digital Age/ Khởi nghiệp kinh doanh trong thời đại số	CLO1																						
		CLO2														2								
		CLO3														2								
		CLO4																		3				
		CLO5																				3		
39-40a	Multicultural Management/Quản lý đa văn hóa	CLO1																						
		CLO2												4										
		CLO3																	4					
Hướng 2: Quản trị kinh doanh quốc tế																								
39-40b	International Project Management/Quản trị dự án quốc tế	CLO1															4							
		CLO2																						
		CLO3																		4				
39-40b	International human resource management/Quản trị nguồn nhân lực quốc tế	CLO1																						
		CLO2																						
		CLO3																						
HỌC KỲ 8																								

TT		Tên học phần (HPI)	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)																					
			PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5			PLO6		PLO7		PLO8		PLO9	PLO10		PLO11	
			PI	1.1	1.2	2.1	2.2	3.1	3.2	4.1	4.2	5.1	5.2	5.3	6.1	6.2	7.1	7.2	8.1		8.2	10.1		10.2
Học phần bắt buộc			CLOij																					
41	International Business Strategy/Chiến lược kinh doanh quốc tế	CLO1																						
		CLO2													4									
		CLO3																					5	
42	International Business/Thực tập cuối khóa ngành KDQT	CLO1														4	4							
		CLO2																4	4					
		CLO3																					4	
43	Dissertation in International Business/Khóa luận tốt nghiệp ngành KDQT	CLO1													4	4								
		CLO2															4	4						
		CLO3																					5	5
		CLO4								4														
		CLO5																				4	4	

Tổng số lượng học phần theo các mức độ đóng góp

	Mức 1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Mức 2	13	2	2	3	5	0	4	3	6	4	1	0	2	4	1	0	0	0	0	0	0	0
	Mức 3	12	15	2	1	3	2	0	1	0	1	0	8	4	1	4	2	2	0	1	1	2	1
	Mức 4	1	0	3	3	2	3	0	4	1	1	0	7	9	10	7	7	11	1	0	1	2	0
	Mức 5	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	2
	Học phần đóng góp																						
	Học phần đánh giá PI	14	10	6	6	9	5	4	7	6	1	15	15	14	11	9	13	1	1	2	6	3	3
	Học phần đánh giá PLO	20		11		12		10		27	8		22		17		1		2				7

15.3. Ma trận đóng góp học phần CLO.PLO.PI

TT	Tên học phần (HPI)	CLOij	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)																							
			PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5			PLO6		PLO7		PLO8		PLO9	PLO10		PLO11			
			1.1	1.2	2.1	2.2	3.1	3.2	4.1	4.2	5.1	5.2	5.3	6.1	6.2	7.1	7.2	8.1	8.2							
HỌC KỲ 1																										
1	Học phần bắt buộc	Triết học Mác-Lênin	CLO1	2																						
			CLO2	2																						
			CLO3	2																						
			CLO4																							
2	Tổng hợp học phần	CLO1	3																							
		CLO2	3																							
		CLO3	3																							
		CLO4																								
		CLO5	3																							
3	Tổng hợp học phần	CLO1	3																							
		CLO2	3																							
		CLO3																								
		CLO4																								
4	Pháp luật và thể chế	CLO1	2																							
		CLO2	2																							
		CLO3																								
		CLO4																								
5	Quản trị học	CLO1	2																							
		CLO2	2																							
		CLO3																								
		CLO4																								
6	Tổng hợp học phần	CLO1	3																							
		CLO2	3																							
		CLO3																								
		CLO4																								
7	Nguyên lý kế toán	CLO1	3																							
		CLO2	3																							
		CLO3																								
		CLO4																								
8	Tổng hợp học phần	CLO1	3																							
		CLO2	3																							
		CLO3																								
		CLO4																								
9	Kinh tế học vi mô	CLO1	3																							
		CLO2	3																							
		CLO3																								
		CLO4																								

TT	Tên học phần (HPi)	CLOij	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)																					
			PLO1		PLO2		PLO3			PLO4		PLO5			PLO6		PLO7		PLO8		PLO9	PLO10		PLO11
			1.1	1.2	2.1	2.2	3.1	3.2	4.1	4.2	5.1	5.2	5.3	6.1	6.2	7.1	7.2	8.1	8.2	10.1		10.2	11.1	
8	Tổng hợp học phần								2															
	Logic ứng dụng trong kinh doanh																							
	CLO1		2																					
	CLO2			3																				
9	CLO3																							
	Tổng hợp học phần		2	3																				
	CLO1	2																						
	CLO2	2																						
10	CLO3			2	2																			
	CLO4			2	2																			
	Tổng hợp học phần	2		2	2																			
	CLO1	2	2																					
11	CLO2	3	3																					
	CLO3	3	3																					
	CLO4	3	3																					
	Tổng hợp học phần	3	3																					
12	CLO1	3	3																					
	CLO2	2																						
	CLO3																							
	Tổng hợp học phần	2																						
13	CLO1	2																						
	CLO2	2																						
	CLO3																							
	Tổng hợp học phần	2																						
HỌC KỲ 3 Học phần bắt buộc	CLO1																							
	CLO2																							
	CLO3																							
	Tổng hợp học phần	2																						
14	CLO1																							
	CLO2																							
	CLO3																							
	Tổng hợp học phần																							

TT		Tên học phần (HPI)	CLOij	Chuẩn đầu ra CTDT (PLOs)																								
				PI	1.1	1.2	2.1	2.2	3.1	3.2	PLO3	4.1	4.2	5.1	5.2	5.3	6.1	6.2	7.1	7.2	8.1	8.2	PLO9	10.1	10.2	11.1	11.2	PLO11
15	Tổng hợp học phần																											
	Tiền tệ, ngân hàng và công nghệ tài chính	CLO1																										
		CLO2																										
		CLO3																										
16	Tổng hợp học phần																											
	Chức năng xã hội	CLO1	2																									
	Chức năng xã hội	CLO2	2																									
	Chức năng xã hội	CLO3																										
17	Tổng hợp học phần																											
	Phương pháp nghiên cứu khoa học	CLO1			3																							
		CLO2					4																					
		CLO3									4																	
18	Tổng hợp học phần																											
	Phát triển năng lực số	CLO1			3		4																					
		CLO2																										
		CLO3																										
19	Tổng hợp học phần																											
	Marketing số	CLO1																										
		CLO2																										
		CLO3																										
20	Tổng hợp học phần																											
	Tài chính doanh nghiệp	CLO1																										
		CLO2																										
		CLO3																										
21	Tổng hợp học phần																											
	Tiếng Anh chuyên ngành Kinh doanh quốc tế	CLO1																										
		CLO2																										
		CLO3																										
22	Tổng hợp học phần																											
		CLO1	2																									

TT	Tên học phần (HPi)	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)																						
		PI	PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5			PLO6		PLO7		PLO8		PLO9	PLO10		PLO11	
			1.1	1.2	2.1	2.2	3.1	3.2	4.1	4.2	5.1	5.2	5.3	6.1	6.2	7.1	7.2	8.1	8.2		10.1	10.2		
	CLO1j																							
	CLO2		2																					
	CLO3								2	2														
	CLO4																							
23	Tổng hợp học phần		2																					
	CLO1		3																					
	CLO2				4																			
	CLO3																							
24	Tổng hợp học phần		3		4											4								
	CLO1																							
	CLO2																3							
	CLO3																			3				
25	Tổng hợp học phần																3				3			
	CLO1													4										
	CLO2																							
	CLO3																	4						
HỌC KỲ 5	Tổng hợp học phần																4							
26	Học phần bắt buộc																							
	International Consumer Behavior/Hành vi người tiêu dùng quốc tế													3		3								
	CLO1																							
	CLO2																							
27	CLO3																							
	Tổng hợp học phần																3							
	CLO1													3	3			3						
	CLO2															4								
28-29-30a	CLO3																							
	Tổng hợp học phần																							
	CLO1																							
	CLO2																							
28-29-30b	CLO3																							
	Tổng hợp học phần																							
	CLO1																							
	CLO2																							

TT	Tên học phần (HPt)	CLOij CLO3	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)																							
			PI	PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5			PLO6		PLO7		PLO8		PLO9	PLO10		PLO11		
				1.1	1.2	2.1	2.2	3.1	3.2	4.1	4.2	5.1	5.2	5.3	6.1	6.2	7.1	7.2	8.1	8.2		10.1	10.2		11.1	11.2
28-29-30c	Tổng hợp học phần																									
		CLO1																								
		CLO2																								
		CLO3																								
28-29-30d	Tổng hợp học phần																									
		CLO1																								
		CLO2																								
		CLO3																								
HỌC KỲ 6 Học phần bắt buộc	Global Marketing/Marketing toàn cầu																									
		CLO1																								
		CLO2																								
		CLO3																								
31	Tổng hợp học phần																									
		CLO1																								
		CLO2																								
		CLO3																								
32	Market research/Nghiên cứu thị trường																									
		CLO1																								
		CLO2																								
		CLO3																								
33	Tổng hợp học phần																									
		CLO1																								
		CLO2																								
		CLO3																								
Học phần tự chọn (SV chọn 2 trong 3 học phần sau)	Tổng hợp học phần																									
		CLO1																								
		CLO2																								
		CLO3																								
34-35a	Digital Business Models/Các mô hình kinh doanh số																									
		CLO1																								
		CLO2																								
		CLO3																								
34-35b	Tổng hợp học phần																									
		CLO1																								
		CLO2																								
		CLO3																								
34-35c	Tổng hợp học phần																									
		CLO1																								
		CLO2																								
		CLO3																								

TT	Tên học phần (HPI)	CLO <i>ij</i>	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)																	
			PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5		PLO6		PLO7		PLO8		PLO9	
			PI	1.1	1.2	2.1	2.2	3.1	3.2	4.1	4.2	5.1	5.2	5.3	6.1	6.2	7.1	7.2	8.1	8.2
	International supply chain management/Quản trị chuỗi cung ứng quốc tế	CLO2															4			
		CLO3										4					4			
	Tổng hợp học phần																			
HỌC KỲ 7																				
	Học phần bắt buộc																			
36	Business data analytics/Phân tích dữ liệu kinh doanh	CLO1				4														
		CLO2												4						
		CLO3															4			
	Tổng hợp học phần					4								4			4			
37	International Logistics/Logistics quốc tế	CLO1											4							
		CLO2															4			
		CLO3																	4	
	Tổng hợp học phần															4	4			
38	Strategic Marketing/Chiến lược Marketing	CLO1						3												
		CLO2											4							
		CLO3																	4	
	Tổng hợp học phần							3					4						4	
Liên ngành: Học phần tự chọn (SV chọn 1 trong 2 hướng)																				
Hướng 1: Khởi nghiệp																				
39-40a	Entrepreneurship in the Digital Age/ Khởi nghiệp kinh doanh trong thời đại số	CLO1															2			
		CLO2															2			
		CLO3																	3	
		CLO4																		3
		CLO5																		
	Tổng hợp học phần																2		3	
39-40a	Multicultural Management/Quản lý đa văn hóa	CLO1											4							
		CLO2															4		4	
		CLO3																	4	
	Tổng hợp học phần																4		4	
Hướng 2: Quản trị kinh doanh quốc tế																				
39-40b		CLO1							4											
		CLO2												4						

TT		Tên học phần (HPI)	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)																																
			PI	1.1	1.2	PLO1	2.1	2.2	PLO2	3.1	3.2	PLO3	4.1	4.2	5.1	5.2	5.3	6.1	6.2	PLO6	7.1	7.2	PLO7	8.1	8.2	PLO8	PLO9	10.1	10.2	PLO10	11.1	11.2	PLO11		
39-40b		International Project Management/Quản trị dự án quốc tế	CLO1j																																
		Tổng hợp học phần																																	
		International human resource management/Quản trị nguồn nhân lực	CLO1	4															4																
			CLO2																4																
			CLO3																																
HỌC KỲ 8 <i>Học phần bắt buộc</i>		Tổng hợp học phần		4															4																
		Học phần bắt buộc																																	
	41	International Business Strategy/Chiến lược kinh doanh quốc tế	CLO1								4										4														
				CLO2																															
				CLO3																															5
42	Tổng hợp học phần										4								4															5	
		Internship in International Business/Thực tập cuối khóa ngành KDQT	CLO1																		4	4													
			CLO2																																
			CLO3																															4	
		Tổng hợp học phần																			4	4	4											4	
43		Dissertation in International Business/Khóa luận tốt nghiệp ngành KDQT	CLO1																4	4															
			CLO2																																
			CLO3																		4	4												5	
			CLO4																																
			CLO5																																
		Tổng hợp học phần																																	5

Tổng số lượng học phần theo các mức độ đóng góp

			1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Mức 1		13	2	2	3	5	0	4	3	6	4	1	0	2	4	1	0	0	0	0	0	0	0
	Mức 2		12	15	2	1	3	2	0	1	0	1	0	8	4	1	4	2	2	0	1	1	2	1
	Mức 3		1	0	3	3	2	3	0	4	1	1	0	7	9	10	7	7	11	1	0	1	2	0
	Mức 4		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	2
	Mức 5																							
	Học phần đóng góp																							

TT	Tên học phần (HPi)	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)																						
		PI	PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5		PLO6		PLO7		PLO8		PLO9	PLO10		PLO11		
			1.1	1.2	2.1	2.2	3.1	3.2	4.1	4.2	5.1	5.2	5.3	6.1	6.2	7.1	7.2	8.1		8.2				
		CLOij																						
	Học phần đánh giá PI		14	10	6	6	9	5	4	7	6	6	1	15	15	14	11	9	13	1	1	2	6	3
	Học phần đánh giá PLO		20	11		12	10		27	22	17	1	2		7									

16. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

TT	Mã HP	Tên Học phần	Mô tả
1	MLM306	Triết học Mác-Lênin <i>/ Marxist-Leninist philosophy</i>	Triết học Mác – Lênin là học phần cơ bản, cung cấp kiến thức chung nhằm trang bị thế giới quan duy vật khoa học và phương pháp luận biện chứng duy vật cho người học. Học phần giúp người học xác định đúng vai trò, vị trí của triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội. Học phần góp phần nâng cao bản lĩnh chính trị, từng bước hình thành những giá trị văn hoá và nhân sinh quan tốt đẹp, củng cố lý tưởng, niềm tin vào con đường và sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước từ đó nâng cao ý thức trách nhiệm xã hội phù hợp trong vị trí việc làm và cuộc sống sau khi người học tốt nghiệp.
2	MLM307	Kinh tế chính trị Mác - Lênin/ <i>Political Economics of Marxism and Leninism</i>	Kinh tế chính trị Mác – Lênin là môn khoa học kinh tế, là một bộ phận cấu thành của khoa học Mác – Lênin. Nó nghiên cứu các quan hệ xã hội của con người trong quá trình sản xuất, trao đổi, tiêu dùng của cải vật chất qua các giai đoạn phát triển của lịch sử xã hội loài người. Thông qua đó, làm rõ bản chất của các quá trình và các hiện tượng kinh tế, tìm ra các quy luật vận động của nền kinh tế - xã hội.
3	MLM308	Chủ nghĩa xã hội khoa học/ <i>Scientific socialism</i>	Chủ nghĩa xã hội khoa học là một trong ba bộ phận hợp thành của chủ nghĩa Mác-Lênin, nghiên cứu những quy luật tất yếu của sự ra đời hình thái kinh tế xã hội cộng sản chủ nghĩa; những vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa trên thế giới và trong đời sống hiện thực ở Việt Nam hiện nay.
4	MLM309	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam/ <i>History of Vietnamese communist party</i>	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là học phần cơ bản, bao gồm 4 chương, cung cấp các kiến thức cơ bản về: sự ra đời của Đảng; quá trình lãnh đạo cách mạng của Đảng trong các giai đoạn; thành công, hạn chế, bài học kinh nghiệm về sự lãnh đạo của Đảng, nhằm giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.
5	MLM303	Tư tưởng Hồ Chí Minh/ <i>Ideologies of Ho Chi Minh</i>	Tư tưởng Hồ Chí Minh là học phần cơ bản, bao gồm 6 chương, cung cấp các kiến thức cốt lõi về: sự hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Đảng Cộng sản và Nhà nước Việt Nam; Đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Văn hóa, đạo đức, con người và sự vận dụng của Đảng Cộng sản trong cách mạng Việt Nam, giúp người học nhận thức được

TT	Mã HP	Tên Học phần	Mô tả
			vai trò, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh trong thực tiễn.
6	AMA303	Lý thuyết xác suất và thống kê toán/ <i>Probability and Statistics</i>	Học phần trang bị cho sinh viên nền tảng căn bản và các công cụ xác suất thống kê để tiếp cận với khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành. Giúp sinh viên bước đầu vận dụng kiến thức học phần trong các lĩnh vực kinh tế, tài chính - ngân hàng, quản trị và hệ thống thông tin quản lý.
7	LAW798	Pháp luật và thể chế / <i>Introduction to Laws</i>	Pháp luật và thể chế là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương cung cấp cho người học các vấn đề lý luận cơ bản về pháp luật và thể chế. Sau khi học xong học phần, người học có được các kiến thức cơ bản về thể chế từ khái niệm, các yếu tố cấu thành của thể chế. Trên cơ sở kiến thức về thể chế, người học vận dụng vào việc luận giải thể chế pháp luật liên quan đến: Nguồn gốc, bản chất, chức năng, hình thức của pháp luật; chủ thể ban hành pháp luật; cơ chế điều chỉnh pháp luật trong mối quan hệ với ghi nhận và bảo đảm thực thi quyền con người. Từ kiến thức được trang bị, người học chủ động lựa chọn cách thức xử sự phù hợp với quy định pháp luật và trách nhiệm với cộng đồng; có ý thức tuân thủ pháp luật và tinh thần kiến tạo, bảo vệ công lý.
8	MAE701	Toán kinh tế 1/ <i>Mathematic for Economics 1</i>	Toán kinh tế 1 là học phần thuộc khối kiến thức đại cương. Học phần sẽ cung cấp cho người học những kiến thức về toán Đại số tuyến tính ứng dụng trong phân tích kinh tế. Nội dung bao gồm: ma trận, hệ phương trình tuyến tính, không gian vectơ và một số ứng dụng trong kinh tế. Đây là học phần tiên đề cho môn Toán kinh tế 2.
9	MAE702	Toán kinh tế 2/ <i>Mathematic for Economics 2</i>	Toán kinh tế 2 là học phần thuộc khối kiến thức đại cương. Học phần sẽ cung cấp cho người học những kiến thức về ứng dụng của toán giải tích trong phân tích kinh tế. Nội dung bao gồm: giới hạn, liên tục, đạo hàm và vi phân, tích phân của hàm số một biến số; đạo hàm riêng và vi phân toàn phần, cực trị của hàm nhiều biến; phương trình vi phân cấp 1, cấp 2.
10	MES302	Kinh tế học vi mô/ <i>Microeconomics</i>	Kinh tế học vi mô là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở khối ngành. Học phần nhằm hướng đến các mục tiêu : (i) Cung cấp kiến thức nền tảng về kinh tế học nói chung và kinh tế học vi mô nói riêng ; (ii) Thực hành một số kỹ năng cần thiết như : Kỹ năng đọc, kỹ năng tự học, kỹ năng làm việc nhóm. Để đạt được các mục tiêu trên, học phần sẽ cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản gồm : Mười nguyên lý kinh tế học ; các lý thuyết về cung

TT	Mã HP	Tên Học phần	Mô tả
			– cầu ; các cấu trúc thị trường; lý thuyết hành vi của người tiêu dùng và của doanh nghiệp
11	MES303	Kinh tế học vĩ mô/ <i>Macroeconomics</i>	Kinh tế học vĩ mô là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở khối ngành. Học phần nhằm hướng đến mục tiêu trang bị cho sinh viên: (i) hiểu biết về các khái niệm kinh tế vĩ mô cơ bản, cách thức đo lường các chỉ tiêu của nền kinh tế vĩ mô và mối quan hệ giữa chúng; (ii) hiểu biết về các chính sách của chính phủ trong điều hành kinh tế vĩ mô. Để đạt được các mục tiêu trên, học phần gồm 8 chương, cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về kinh tế học vĩ mô, bao gồm: tổng quan về kinh tế học vĩ mô, dữ liệu kinh tế vĩ mô, sản xuất và tăng trưởng, hệ thống tiền tệ, tổng cầu và tổng cung, chính sách tiền tệ và chính sách tài khoá, lạm phát và thất nghiệp, kinh tế học vĩ mô của nền kinh tế mở.
12	FIN730	Phát triển bền vững và Tài chính xanh/ <i>Sustainable development and Green finance</i>	Học phần Phát triển bền vững và Tài chính xanh cung cấp cho người học những kiến thức nền tảng về phát triển bền vững và tài chính xanh; mối liên hệ, vai trò của hệ thống tài chính đối với giữa các mục tiêu phát triển bền vững. Nội dung học phần tập trung làm rõ các vấn đề cơ bản về biến đổi khí hậu và các vấn đề toàn cầu, phát triển bền vững và mối liên hệ giữa tài chính với phát triển bền vững ; các chính sách quốc tế và mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc; các chính sách, chiến lược, chương trình hành động của Việt Nam liên quan đến phát triển bền vững. Học phần trang bị cho người học hiểu biết về các hệ thống, phương pháp đo lường, giám sát các mục tiêu phát triển bền vững; cũng như đo lường và báo cáo tác động, mức độ phù hợp và dòng vốn của tài chính xanh. Người học cũng sẽ được trang bị kiến thức về sự phát triển của các sản phẩm và dịch vụ tài chính xanh tiêu như: ngân hàng xanh, trái phiếu xanh, đầu tư có trách nhiệm và đầu tư bền vững; vai trò của nhà nước, doanh nghiệp, cá nhân, khu vực tài chính trong quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế xanh và bền vững. Qua đó, người học hình thành nhận thức về trách nhiệm đối với phát triển bền vững, có khả năng vận dụng kiến thức để phân tích, đánh giá và đề xuất các giải pháp tài chính góp phần thúc đẩy phát triển bền vững trong thực tiễn

TT	Mã HP	Tên Học phần	Mô tả
13	ACC301	Nguyên lý kế toán / <i>Principles of Accounting</i>	Nguyên lý kế toán là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở. Học phần sẽ cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về kế toán bao gồm: khái niệm, đối tượng, vai trò, các nguyên tắc và hệ thống các phương pháp của kế toán. Đồng thời vận dụng các kiến thức đó để thực hiện quy trình kế toán các nghiệp vụ kinh tế trong doanh nghiệp. Ngoài ra học phần cũng giới thiệu tổ chức công tác kế toán, các hình thức kế toán, hệ thống báo cáo tài chính của doanh nghiệp.
14	ITS723	Logic ứng dụng trong kinh doanh/ <i>Applied Logic in Business</i>	Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức về cơ sở toán học trong khoa học máy tính và mật mã. Sinh viên có thể vận dụng kiến thức đã học để nâng cao kỹ năng suy luận, cũng như kỹ năng truyền đạt. Đồng thời, sinh viên áp dụng kiến thức đã học trong các học phần trong chương trình đào tạo.
15	MAG322	Quản trị học/ <i>Fundamentals of Management</i>	Học phần được xây dựng tạo nền tảng về công việc quản trị trong tổ chức. Đây là học phần kiến thức cơ sở khối ngành kinh tế. Nội dung tập trung giới thiệu cơ bản về các khái niệm và thực tiễn quản trị trong các tổ chức. Các chủ đề học phần bao gồm một số cách tiếp cận đến các chức năng cơ bản của quản trị bao gồm lập kế hoạch, tổ chức, lãnh đạo và kiểm soát. Các xu hướng về lý thuyết và chức năng quản lý cũng được đánh giá, cũng như nghiên cứu quản lý và ứng dụng vào thực tiễn quản lý và các khía cạnh có trách nhiệm, đạo đức và toàn cầu trong thực tiễn kinh doanh hiện tại.
16	BAF736	Tiền tệ, ngân hàng và công nghệ tài chính/ <i>Money, Banking and Fintech</i>	Học phần giới thiệu các kiến thức cơ bản về tiền tệ, ngân hàng như: tổng quan về tiền tệ, sự phát triển của hệ thống thanh toán, thị trường tài chính và các công cụ trên thị trường tài chính, ngân hàng thương mại và hoạt động của NHTM, ngân hàng trung ương và các chính sách tiền tệ. Sau đó giới thiệu các kiến thức cơ bản về công nghệ tài chính như: Tổng quan về công nghệ tài chính, tác động của FINTECH đến ngân hàng truyền thống, hệ sinh thái FINTECH, công nghệ thúc đẩy FINTECH. Nội dung của học phần là những kiến thức cần thiết, quan trọng, và làm nền tảng cho quá trình nghiên cứu các vấn đề về kỹ thuật nghiệp vụ chuyên môn trong lĩnh vực kinh tế, tài chính-ngân hàng, công nghệ tài chính.

TT	Mã HP	Tên Học phần	Mô tả
17	FIN303	Tài chính doanh nghiệp/ <i>Corporate Finance</i>	Tài chính doanh nghiệp là học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về nguyên lý tài chính doanh nghiệp. Nội dung học phần bao gồm tổng quan về tài chính doanh nghiệp, giá trị của tiền theo thời gian, lợi nhuận và rủi ro, chi phí vốn, hệ thống đòn bẩy, và các lý thuyết về cơ cấu vốn. Ngoài ra, sinh viên còn được hướng dẫn sử dụng các phương tiện hỗ trợ xử lý số liệu như máy tính và phần mềm excel trong lĩnh vực tài chính doanh nghiệp.
21	INE704	Phương pháp nghiên cứu khoa học/ <i>Scientific Research Methodology</i>	Phương pháp nghiên cứu khoa học là học phần bắt buộc thuộc nhóm học phần kiến thức cơ sở khởi ngành được xây dựng để cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về các phương pháp tiến hành hoạt động nghiên cứu một cách có hệ thống và mang tính khoa học. Cụ thể, học phần sẽ giới thiệu cơ bản về vấn đề nghiên cứu, vai trò của nghiên cứu, cách thức xác định vấn đề nghiên cứu, thực hiện lược khảo tài liệu và các nghiên cứu trước có liên quan; đặt câu hỏi nghiên cứu; đạo đức trong nghiên cứu, cách trích dẫn và trình bày tài liệu tham khảo; thu thập số liệu và chọn mẫu; cách trình bày dữ liệu và lựa chọn thiết kế nghiên cứu với các dạng dữ liệu; cách viết đề cương và báo cáo nghiên cứu.
22	ITS772	Phát triển năng lực số/ <i>Digital Capabilities Development</i>	Học phần trang bị một số kiến thức, kỹ năng cần thiết giúp sinh viên các khối ngành của Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh có được năng lực số cần thiết để sống, học tập, làm việc và tham gia giao tiếp xã hội một cách chủ động, tích cực và an toàn trong môi trường số. Sau khi học xong học phần, sinh viên nắm được các kiến thức cơ bản về năng lực khai thác dữ liệu trong môi trường số, bảo mật trong môi trường số cũng như kỹ năng sử dụng được các nền tảng, phần mềm và thiết bị số trong đời sống, học tập và hoạt động nghề nghiệp sau này.
23	ENP759	Tiếng Anh chuyên ngành Kinh doanh quốc tế/ <i>English for International Business</i>	Đây là học phần bắt buộc thuộc nhóm học phần cơ sở ngành, bao gồm 4 chương nội dung. Học phần được thiết kế nhằm trang bị cho sinh viên các thuật ngữ tiếng Anh sử dụng trong lĩnh vực kinh tế quốc tế. Sinh viên có cơ hội tiếp cận với các kiến thức và bài đọc trích từ các tài liệu liên quan đến lĩnh vực kinh tế, kinh doanh, quản lý, từ đó sinh viên được thực hành 4 kỹ năng ngôn ngữ, vận dụng các kiến thức và từ vựng chuyên ngành thông qua đa dạng các hoạt động như thảo luận nhóm, đối thoại, thuyết trình.

TT	Mã HP	Tên Học phần	Mô tả
24	DIM706	Marketing số/ <i>Digital Marketing</i>	Marketing số (digital marketing) là xu hướng tất yếu của marketing hiện đại. Học phần là phần tiếp nối của nguyên lý marketing áp dụng trong ngành marketing và đề cập trực tiếp các phương pháp, công cụ, hướng tiếp cận của marketing số. Qua đó giúp người học có được hướng tiếp cận và cách xử lý vấn đề phù hợp với tình hình phát triển mới của khoa học công nghệ trong công tác cung cấp dịch vụ tới khách hàng cả B2B và B2C.
25	INB718	Lịch sử kinh doanh/ <i>Business History</i>	Lịch sử kinh doanh là môn thuộc khối kiến thức cơ bản, trang bị kiến thức và kỹ năng cần thiết giúp người học nhận thức đầy đủ về lịch sử kinh doanh, hoạt động kinh doanh đã hình thành và được định hình như thế nào bởi các thể lực xã hội và chính trị khác nhau, nâng cao khả năng đọc và tư duy phân biện, phát triển kỹ năng phân tích, học cách tổ chức và trình bày những suy nghĩ và nghiên cứu của họ dưới dạng các bài tiểu luận học thuật. Học phần sẽ khám phá sự tương tác giữa tư nhân giới kinh doanh và thể giới chính trị đại chúng trong mối quan hệ phụ lẫn nhau để xác định xã hội phương Tây hiện đại. Học phần cũng phân tích sự hình thành các loại hình doanh nghiệp trong bối cảnh toàn cầu hoá ngày nay
26	INE302	Kinh tế học quốc tế/ <i>International Economics</i>	Học phần nghiên cứu mối quan hệ kinh tế giữa các quốc gia thông qua việc trao đổi hàng hóa, dịch vụ và sự di chuyển các nguồn lực kinh tế (lao động, vốn). Học phần cung cấp hệ thống các học thuyết kinh tế quốc tế, các công cụ chính sách thương mại quốc tế và những phân tích cơ bản về cán cân thanh toán quốc tế và tỷ giá hối đoái.
27	INB722	Địa chính trị/ <i>Geopolitics</i>	Địa chính trị là môn thuộc khối kiến thức ngành, trang bị kiến thức về các khái niệm và lý thuyết về địa chính trị và ứng dụng của chúng đối với các sự kiện, vấn đề hiện tại. Học phần cung cấp cho người học hiểu biết về các mối quan hệ giữa địa lý, quyền lực và quan hệ quốc tế. Đồng thời giúp người học khả năng phân tích và đánh giá các động lực địa chính trị của các khu vực khác nhau trên thế giới bao gồm cả bối cảnh lịch sử và văn hóa. Thông qua học phần, sinh viên có hiểu biết rộng về vai trò của địa chính trị trong việc hình thành các mối quan hệ quốc tế, cũng như kỹ năng phân tích và tham gia vào bối cảnh địa chính trị phức tạp và luôn thay đổi ngày nay.

TT	Mã HP	Tên Học phần	Mô tả
28	INB717	Nguyên lý chiến lược kinh doanh/ <i>Principles of Business Strategy</i>	Học phần cung cấp sinh viên kiến thức chủ yếu về chiến lược và quản trị chiến lược. Nội dung chính gồm: phân tích môi trường kinh doanh của doanh nghiệp, hoạch định chiến lược, tổ chức thực hiện chiến lược, kiểm soát chiến lược.
29	ITS754	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong kinh doanh và quản lý/ <i>Applications of Artificial Intelligence in Business and Management</i>	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong kinh doanh và quản lý là học phần tự chọn định hướng liên ngành thuộc ngành Hệ thống thông tin quản lý. Học phần nhằm mục đích trang bị cho sinh viên kiến thức nền tảng về trí tuệ nhân tạo (AI) và kiến thức chuyên sâu về đặc tính của các nhóm công cụ trí tuệ nhân tạo, bên cạnh đó phát triển kỹ năng phân tích, định dạng các vấn đề trong thực tiễn thành các hình thái tương thích, tạo điều kiện thuận lợi cho việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo. Sinh viên sẽ được hướng dẫn nhận biết các nhóm công cụ trí tuệ nhân tạo phù hợp với các nhu cầu cụ thể trong lĩnh vực kinh doanh và quản lý, cũng như được hướng dẫn các kỹ thuật nâng cao nhằm ứng dụng các công cụ này một cách hiệu quả.
30	INE307	Tài chính quốc tế/ <i>International Finance</i>	Tài chính quốc tế cung cấp cho sinh viên kiến thức nền tảng và kỹ năng nghiên cứu cơ bản về lĩnh vực tài chính quốc tế theo hướng tiếp cận phân tích kinh tế và ứng dụng của tài chính quốc tế trong hoạt động kinh doanh ngày nay. Cấu trúc học phần gồm 3 phần chính. Phần I bao gồm các cơ sở lý thuyết nền tảng của tài chính quốc tế. Phần II khảo sát khung cảnh và cấu trúc môi trường tiền tệ và tài chính toàn cầu. Phần III sẽ chú trọng đến thực hành tài chính quốc tế trong kinh doanh toàn cầu, trong đó hoạt động tài chính của doanh nghiệp quốc tế và quản trị rủi ro tỷ giá sẽ được làm rõ.
31	INE311	Đầu tư quốc tế/ <i>International Investment</i>	Học phần Đầu tư quốc tế là môn thuộc khối kiến thức ngành thuộc chương trình đào tạo ngành Kinh tế Quốc tế. Học phần cung cấp khung lý thuyết, công cụ hoạch định và các chiến lược tiến hành hoạt động đầu tư quốc tế. Học phần giúp sinh viên tìm hiểu môi trường đầu tư quốc tế cũng như các yếu tố tác động đến quyết định đầu tư quốc tế. Học phần chú trọng đến việc giới thiệu khung lý thuyết nền tảng tác động đến hoạt động đầu tư quốc tế và phân tích tình huống hoạt động đầu tư quốc tế tại các doanh nghiệp quốc tế.

TT	Mã HP	Tên Học phần	Mô tả
32	INE716	International Business/ <i>Kinh doanh quốc tế</i>	International Business provides students with essential knowledge and skills for comprehending the dynamics of the international business environment. This course lays a foundation for analyzing and strategizing effectively in today's dynamic international economy. The first section of the course indicates the nature and characteristics of the business environment at both national and international scales, encompassing economic, political, legal, cultural, commercial, and investment aspects, along with currency considerations. The latter section of the course focuses on the frameworks for analyzing and determining international business strategies, including approaches for entering foreign markets.
33	INB734	International Consumer Behavior/ <i>Hành vi người tiêu dùng quốc tế</i>	The course provides students with a foundational understanding of consumer behavior analysis, with a particular focus on international consumers. The content covers an overview of consumer behavior, including motivations, personality traits, perception, communication channels, and cultural factors in global business contexts. Alongside core theories of consumer behavior — such as needs theory, perception theory, and cultural trend theory — students are also equipped with practical skills for designing, implementing, and evaluating consumer communication strategies.
34	INE719	International trade transactions/ <i>Giao dịch thương mại quốc tế</i>	International trade transactions covers export and import operations. This module provides key topics such as choosing modes of transactions, negotiations and formation of a sales contract, stages to conduct a sales contract, procedures and documents in foreign trade. Through all these topics, students will get introduced to related subjects as international cargo transportation and insurance, international payments and international trade disputes.
35	INB731	Business data analytics/ <i>Phân tích dữ liệu kinh doanh</i>	The course is designed to equip students with fundamental knowledge of mathematics and statistics as applied in business activities. By providing a systematic set of methods for analysing collected data into useful information that serves as a basis for business decision-making (i.e. descriptive statistics, inferential statistics, statistical index analysis, and forecasting future trends), the course aims to enhance students' ability to analyse business problems in various

TT	Mã HP	Tên Học phần	Mô tả
			situations. Upon completion, students will not only master theoretical principles but also be able to use statistical software such as Excel and SPSS, as well as develop skills in presenting analytical reports.
36	INE712	Global Marketing/Marketing toàn cầu	Global marketing explores the complexities and strategies involved in marketing products and services on a global scale. This module provides a comprehensive understanding of the challenges and opportunities inherent in global markets. It covers key topics such as cultural nuances impacting consumer behaviour, market entry strategies, global branding, and the use of technology in global marketing efforts. Through case studies, discussions, and real-world applications, students will gain insights into crafting effective global marketing strategies and designing a country report that navigates diverse cultures and market dynamics.
37	INB737	Market research/Nghiên cứu thị trường	The market research course aims to examine research methods and techniques applied to solve problems in the current or potential market. Through this course, students will understand how to identify research problems from the symptoms that businesses are facing, build research objectives based on the diagnosed problem, prepare a market research proposal, collect survey data, perform statistical analysis, and present a professional report. The course content also includes guiding students to use popular statistical software to assist in statistical processing to save time, effort, and increase the accuracy of calculation results, as well as help students become familiar with statistical work applied in real market research, which requires the use of statistical programs.
38	INB733	Distribution Channels/Kênh phân phối	This course is part of the specialised knowledge block, providing students with essential knowledge and skills to develop a comprehensive understanding of the historical development, nature, and characteristics of distribution channels in international business practice. The initial part of the course covers the environment and structure of distribution channels at both national and international levels. The course also emphasises

TT	Mã HP	Tên Học phần	Mô tả
			channel strategy design and highlights technological trends currently applied in distribution channel development.
39	INB732	Digital Business Models/Các mô hình kinh doanh số	The course Digital Business Models explores how digital technologies and data reshape value creation and competitive strategy. It covers key models such as B2C, B2B, platform-based, and hybrid models, emphasizing ecosystems, innovation, and digital transformation. Through real-world cases, students develop analytical and problem-solving skills to design effective digital business models in dynamic markets.
40	INB739	Service Marketing/Marketing dịch vụ	This course offers students the knowledge related to service marketing principles as well as provides the approaches to solve common issues in customer service. Beyond valuable service marketing knowledge, learners will have opportunities to explore diverse and practical business cases in various sectors, including healthcare, education, finance, information technology, travel, tourism, wholesale, retail, public services, and other service types. In Part I, the course discusses the overview of service marketing and common strategies in this field. Part II focuses on methods for evaluating the effectiveness of service marketing strategies.
41	INE718	International supply chain management/Quản trị chuỗi cung ứng quốc tế	In today's competitive global market, product life cycles are considerably short, and customers have high requirements for product and service quality... In order to fulfill the needs of customers worldwide, businesses need to adopt an international supply chain approach in their production and business processes. Besides, the active support of information technology and 4.0 technology in transportation activities has promoted the continuous development of the international supply chain and management technology in supply chains. The International Supply Chain Management course in this program will provide students with in-depth knowledge of International Supply Chain Management including: Overview of supply chains, Building an international supply chain system, International supply chain operations,...

TT	Mã HP	Tên Học phần	Mô tả
42	INE717	International Logistics/ <i>Logistics quốc tế</i>	International Logistics is a subject designed to help students majoring in International Economics at Ho Chi Minh City University of Banking know from theoretical to practical basis on basic content of logistics and operations of logistics that businesses are currently applying to optimize current resources at the lowest cost.
43	MKE701	Strategic Marketing/ <i>Chiến lược Marketing</i>	Strategic marketing is a course belonging to the knowledge block of International Business major. This course includes the system of theories as well as practical, vivid examples of Marketing strategies of companies around the world. The course content will provide learners with basic knowledge about planning and implementing an enterprise's marketing strategy on many levels, from the global strategic level of the corporation to national business units. At the same time, the subject also provides learners with tools to analyze and build an effective and comprehensive marketing strategy.
44	INE715	International Business Strategy/ <i>Chiến lược kinh doanh quốc tế</i>	International business strategy is a course in the specialized knowledge block of Economics/International Business. This course provides a system of theories and practices about the business strategies of multinational companies. This course offers basic knowledge about organizing, planning and implementing business strategies of international businesses, from the global level of the corporation to national units. Students are trained in the process of analyzing and evaluating the external environment and internal resources, building strategic directions to position value and markets, international production strategies, and ways to method of entering foreign markets.
45	DIM743	Entrepreneurship in the Digital Age/ <i>Khởi nghiệp kinh doanh trong thời đại số</i>	This course is a part of the Business Administration specialization. It provides students with the foundational knowledge and practical skills from various fields such as management, finance, human resources, and marketing to develop and implement entrepreneurial ideas. The content includes generating entrepreneurial ideas, business planning, and organizing entrepreneurial activities. Upon completion, students will be able to: 1. Search for and evaluate ideas; 2. Analyze markets and customer needs for products and services; 3. Develop business plans; 4. Implement

TT	Mã HP	Tên Học phần	Mô tả
			entrepreneurial business plans; and 5. Orient themselves towards becoming entrepreneurs.
46	INB738	Multicultural Management/ <i>Quản lý đa văn hóa</i>	Multicultural Management is a module that equips students with the knowledge and skills necessary to fully understand cultural diversity and to be able to face the challenges of managing in a multicultural environment. The first part of the module focuses on cross-cultural approaches to management. The latter part of the module emphasizes cultural differences and their impact on the international economic and business environment, and proposes practical management strategies in a multicultural context.
47	INB736	International Project Management/ <i>Quản trị dự án quốc tế</i>	International Project Management equips learners with practical knowledge and skills in managing international projects and programs, with a special focus on multinational investment/business projects and programs of organizations and enterprises. The main topics cover the fundamental knowledge framework on the characteristics of international projects, the position and relationship of projects in the overall international strategy of an organization, the management process and content of stages in international project management, and case studies of some typical international project types.
48	INB735	International human resource management/ <i>Quản trị nguồn nhân lực quốc tế</i>	International Human Resource Management is a specialized course oriented toward practical application and analytical practice. The course explores perspectives on the formulation and implementation of human resource policies in multinational corporations and aims to develop a solid understanding of managerial actions. Specifically, the course addresses the global context, including the relationships among multinational corporations (MNCs), between MNCs and nations, as well as the driving forces and trends toward global human resource integration. It examines the characteristics, policies, and strategies of MNCs in recruiting, training, and managing international human resources, along with the challenges that arise in

TT	Mã HP	Tên Học phần	Mô tả
			managing a diverse workforce — one that encompasses varying perspectives on gender, ethnicity, institutions, and culture.
49	INT713	Internship in International Business/ <i>Thực tập cuối khóa ngành KDQT</i>	The Final Internship is a compulsory course in the International Business program and an essential component of the training process. It aims to help students apply the knowledge they have acquired in a real professional environment, gain a deeper understanding of theoretical concepts, and develop the practical skills and competencies necessary for their future careers, while also contributing constructive feedback to the host organization. This course is scheduled at the final stage of the program, after students have accumulated sufficient academic knowledge to successfully meet the professional requirements of the internship.
49	REP713	Dissertation in International Business/ <i>Khóa luận tốt nghiệp ngành KDQT</i>	The Dissertation (Graduation Thesis) course is designed to provide students with the opportunity to conduct independent research in the field of International Business, applying theoretical knowledge while demonstrating analytical and critical thinking skills. Under the supervision and guidance of an academic advisor, students will apply their disciplinary knowledge and research methodologies to address a specific research question. Based on their findings, students are expected to suggest directions or propose solutions related to the research problem.

17. Hướng dẫn thực hiện

17.1. Dạy và học trực tuyến: Tối đa 30% tổng khối lượng của chương trình đào tạo được thực hiện bằng lớp học trực tuyến.

17.2. Các học phần Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng: Là điều kiện để xét công nhận tốt nghiệp (có chứng chỉ hoàn thành), không được sử dụng để tính điểm trung bình chung tích lũy.

17.3. Các học phần tiếng Anh: Không thiết kế các học phần tiếng Anh căn bản vào Chương trình đào tạo. Tiếng Anh chuyên ngành gồm 1 học phần với tổng số 3 đơn vị tín chỉ: Tiếng Anh chuyên ngành Kinh doanh quốc tế (3 đvtc).

17.4. Chuẩn Tin học:

Điều kiện để học học phần Tin học ứng dụng: sinh viên đạt một trong các điều kiện sau đây:

- Sinh viên đạt yêu cầu trong kỳ kiểm tra trình độ Tin học đầu khóa do Trường tổ chức;

- Sinh viên có Chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản do Trường cấp;
- Sinh viên có các chứng chỉ khác tương đương theo thông báo của Trường.
- Sinh viên thực hiện nộp các chứng chỉ để chứng minh trình độ tin học theo thông báo của Trường.

Chuẩn Tin học đầu ra: sinh viên đạt một trong các điều kiện sau đây:

- Sinh viên có Chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin nâng cao do Trường cấp;
- Sinh viên có các chứng chỉ khác tương đương theo thông báo của Trường.
- Sinh viên thực hiện nộp các chứng chỉ để chứng minh trình độ tin học theo thông báo của Trường.

17.6. Chuẩn tiếng Anh:

Điều kiện để học học phần tiếng Anh chuyên ngành: Sinh viên phải đạt điểm theo yêu cầu của Trường thông qua kỳ kiểm tra năng lực tiếng Anh đầu khóa, hoặc các điểm tiếng Anh quốc tế tương đương A2 (TOEIC 350, IELTS 3.5 ...). Sinh viên thực hiện nộp các chứng chỉ/chứng nhận để chứng minh trình độ ngoại ngữ theo thông báo của Trường.

Chuẩn tiếng Anh đầu ra: Sinh viên phải đạt chuẩn đầu ra trình độ tiếng Anh tối thiểu ở bậc 4/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, hoặc có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế tương đương theo danh mục Trường thông báo; sinh viên thực hiện nộp các chứng chỉ/chứng nhận để chứng minh trình độ ngoại ngữ theo thông báo của Trường.

17.7. Chuẩn kỹ năng mềm

Sinh viên hoàn thành các học phần kỹ năng mềm và được cấp chứng chỉ theo quy định của nhà trường.

Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy trong chương trình đào tạo được Hiệu trưởng phê duyệt theo từng năm học.

DUYỆT CỦA HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Đức Trung

KHOA PHỤ TRÁCH CTĐT

TRƯỞNG KHOA

PGS. TS. HÀ VĂN DŨNG